

## **18. Thủ tục Đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư gắn liền thành lập chi nhánh**

- *Trình tự thực hiện:*

\* Bước 1: Doanh nghiệp liên hệ Phòng Quản lý Đầu tư - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh để được hướng dẫn và chuẩn bị thủ tục hồ sơ theo quy định.

\* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, số 35 Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ hai đến thứ sáu, sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ.

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thì phải xuất trình CMND (hoặc hộ chiếu hoặc chứng từ chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định) và văn bản ủy quyền có xác nhận chính quyền địa phương hoặc Công chứng nhà nước.

+ Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầu mục hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ (đầu mục hồ sơ đầy đủ và kê khai đầy đủ theo quy định): lập và giao biên nhận hồ sơ cho chủ đầu tư theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên tiếp nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn lại thủ tục hồ sơ theo quy định.

\* Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đại diện ủy quyền của doanh nghiệp đến Tổ tiếp nhận và trả kết quả để nhận kết quả giải quyết.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

\* Bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư (*theo mẫu*);

\* Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư;

\* Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (*mọi trường hợp tăng vốn đầu tư, trừ trường hợp dự án đầu tư trong nước thuộc diện đăng ký điều chỉnh*);

\* Văn bản chấp thuận việc sử dụng vốn nhà nước để đầu tư (*đối với dự án tăng vốn đầu tư trong đó phần vốn tăng sử dụng vốn nhà nước*);

\* Bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng liên doanh hoặc Hợp đồng hợp tác kinh doanh

(trường hợp dự án có vốn đầu tư nước ngoài và (hoặc) thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh);

\* Bản sửa đổi bổ sung Điều lệ doanh nghiệp (trường hợp dự án có vốn đầu tư nước ngoài và (hoặc) thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh);

\* Thông báo thay đổi nội dung đăng ký của chi nhánh (theo mẫu);

\* Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề đối với người đứng đầu chi nhánh (đối với trường hợp bổ sung ngành nghề kinh doanh cho chi nhánh mà theo quy định của pháp luật ngành nghề đó phải có chứng chỉ hành nghề);

\* Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp (đối với trường hợp có sự thay đổi và trụ sở chính nằm ngoài các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh);

\* Các thủ tục hồ sơ khác quy định tại các luật có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (1 bộ gốc, 1 bộ copy).

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): các Bộ, Sở, ban, ngành có liên quan.

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đầu tư.

- Lệ phí (nếu có): không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

\* Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp gắn liền với thành lập Chi nhánh) (Phụ lục I-5, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

\* Bản đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh/hoặc đăng ký hoạt động của chi nhánh trong Giấy chứng nhận đầu tư) (Phụ lục I-7, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

\* Thông báo thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục III-4, Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh);

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

**\* Điều kiện về điều chỉnh dự án đầu tư:**

+ Khi điều chỉnh dự án đầu tư liên quan đến mục tiêu, quy mô, địa điểm, hình thức, vốn và thời hạn thực hiện dự án đầu tư, nhà đầu tư phải làm thủ tục tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ để làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư.

+ Các dự án đầu tư không phải làm thủ tục đăng ký điều chỉnh hoặc thẩm tra điều chỉnh gồm các dự án không điều chỉnh về mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn, hình thức, thời hạn; hoặc sau khi điều chỉnh về mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn, hình thức, thời hạn, dự án thuộc các trường hợp sau:

a) Các dự án đầu tư trong nước sau khi điều chỉnh có quy mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện;

b) Các dự án đầu tư trong nước mà sau khi điều chỉnh, dự án có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và không thay đổi mục tiêu, địa điểm đầu tư.

**\* Điều kiện về địa điểm thực hiện dự án, trụ sở chi nhánh:**

+ Trụ sở chi nhánh của doanh nghiệp là địa điểm liên lạc, giao dịch của doanh nghiệp; phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

+ Và các yêu cầu điều kiện theo quy định khác.

**\* Điều kiện về tên chi nhánh:** Chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh phải mang tên của doanh nghiệp, kèm theo phần bổ sung tương ứng xác định chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh đó.

**\* Điều kiện về ngành nghề kinh doanh, mục tiêu thực hiện dự án:**

+ Ngành nghề kinh doanh của chi nhánh phải phù hợp với ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Mục tiêu thực hiện dự án:

• Theo quy định Luật Đầu tư năm 2005:

Lĩnh vực cấm đầu tư:

1. Các dự án gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia và lợi ích công cộng.

2. Các dự án gây phương hại đến di tích lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.

3. Các dự án gây tổn hại đến sức khỏe nhân dân, làm hủy hoại tài nguyên, phá hủy môi trường.

4. Các dự án xử lý phế thải độc hại đưa từ bên ngoài vào Việt Nam; sản xuất các loại hóa chất độc hại hoặc sử dụng tác nhân độc hại bị cấm theo điều ước quốc tế.

• Theo quy định Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư:

+ Dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư:

1. Các dự án đầu tư không phân biệt nguồn vốn, quy mô đầu tư trong những lĩnh vực sau:

a) Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không; vận tải hàng không;

b) Xây dựng và kinh doanh cảng biển quốc gia;

c) Thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí; thăm dò, khai thác khoáng sản;

d) Phát thanh, truyền hình;

đ) Kinh doanh casino;

e) Sản xuất thuốc lá điếu;

g) Thành lập cơ sở đào tạo đại học;

h) Thành lập khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế.

2. Dự án đầu tư không thuộc quy định tại khoản 1 trên, không phân biệt nguồn vốn và có quy mô vốn đầu tư từ 1.500 tỷ đồng Việt Nam trở lên trong những lĩnh vực sau:

- a) Kinh doanh điện; chế biến khoáng sản; luyện kim;
- b) Xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa;
- c) Sản xuất, kinh doanh rượu, bia;

3. Dự án có vốn đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực sau:

- a) Kinh doanh vận tải biển;
- b) Thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát, viễn thông và Internet; thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng;
- c) In ấn, phát hành báo chí; xuất bản;
- d) Thành lập cơ sở nghiên cứu khoa học độc lập.

4. Đối với dự án đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 3 trên nằm trong quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà không phải trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

5. Trường hợp dự án đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 3 trên không nằm trong quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt hoặc dự án không đáp ứng các điều kiện mở cửa thị trường quy định tại điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư chủ trì, lấy ý kiến Bộ quản lý ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh bổ sung quy hoạch hoặc quyết định mở cửa thị trường đầu tư.

6. Trường hợp dự án đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 3 trên thuộc lĩnh vực chưa có quy hoạch, thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư lấy ý kiến Bộ quản lý ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan khác có liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

+ Dự án do Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận đầu tư:

Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (sau đây gọi là Ban Quản lý) thực hiện việc đăng ký đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, bao gồm cả các dự án đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại Điều 37 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

+ Và các điều kiện theo quy định.

**\* Điều kiện về chuyển nhượng vốn:**

+ Bảo đảm các yêu cầu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan;

+ Bảo đảm tỷ lệ và các điều kiện phù hợp với quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

+ Việc chuyển nhượng vốn là giá trị quyền sử dụng đất phải phù hợp với quy định pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

**\* Điều kiện về thời hạn thông báo lập Chi nhánh:** 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định lập chi nhánh.

**\* Điều kiện về người đứng đầu chi nhánh:** Tổ chức, cá nhân sau đây không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

+ Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

+ Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

+ Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

+ Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

+ Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

+ Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

\* Luật Đầu tư năm 2005.

\* Luật Doanh nghiệp năm 2005.

\* Luật Kinh doanh bất động sản năm 2006.

\* Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

\* Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

\* Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

\* Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản.

\* Quyết định số 731/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

\* Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 có tính đến 2020.

\* Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

\* Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

\* Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt đề án chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp - phát triển công nghiệp hiệu quả cao trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực kể từ ngày ký.

\* Quyết định số 30/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2009.

\* **Mẫu Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp gắn liền với thành lập Chi nhánh)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ**

[01] **Kính gửi:**

[02] Nhà đầu tư:

Đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (*số, ngày cấp, nơi cấp*) với nội dung sau:

*(Ghi nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và nội dung đề nghị điều chỉnh nếu có trong các mục dưới đây)*

**I. Đăng ký điều chỉnh nội dung hoạt động của Chi nhánh**

[03] 1. Tên Chi nhánh:

[04] 2. Địa chỉ:

[07] 3. Người đứng đầu Chi nhánh:

[08] 4. Ngành, nghề kinh doanh:

**II. Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư**

[11] 1. Tên dự án đầu tư:

[12] 2. Địa điểm thực hiện dự án: ; Diện tích đất dự kiến sử dụng:

[13] 3. Mục tiêu và quy mô của dự án:

[14] 4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:

[15] Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án

[16] 5. Thời hạn hoạt động:

[17] 6. Tiến độ thực hiện dự án:

[18] 7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:

**III. Nhà đầu tư cam kết:**

1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ điều chỉnh;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư

[19]

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**NHÀ ĐẦU TƯ**

[20] **Hồ sơ kèm theo:**



**\* Mẫu Bản đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh/hoặc đăng ký hoạt động của chi nhánh trong Giấy chứng nhận đầu tư)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH/hoặc**  
**ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH**

[01] **Kính gửi:**

[02] Nhà đầu tư:

Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh/hoặc đăng ký hoạt động của Chi nhánh trong Giấy chứng nhận đầu tư (*số, ngày cấp, nơi cấp*) với nội dung sau:

*(Ghi nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và nội dung đề nghị điều chỉnh nếu có trong các mục dưới đây. Đối với trường hợp đăng ký hoạt động Chi nhánh thì không cần khai mục 3, 6 và 7 dưới đây và thay từ “doanh nghiệp” bằng từ “Chi nhánh”)*

[03] 1. Tên doanh nghiệp:

[04] 2. Địa chỉ trụ sở chính:

[05] Chi nhánh/Văn phòng đại diện (*nếu có*)

[06] 3. Loại hình doanh nghiệp:

[07] 4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/hoặc người đứng đầu Chi nhánh:

[08] 5. Ngành, nghề kinh doanh:

[09] 6. Vốn của doanh nghiệp:

[10] 7. Vốn pháp định:

8. Nhà đầu tư cam kết:

a) Về tính chính xác của nội dung hồ sơ điều chỉnh;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

[19]

**NHÀ ĐẦU TƯ**

[20] **Hồ sơ kèm theo:**

\* **Mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh**

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ  
CỦA CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

**Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh .....**

1. Tên doanh nghiệp: *(ghi bằng chữ in hoa)* .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: .....

Do: ..... Cấp ngày: ...../...../.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

2. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: *(ghi bằng chữ in hoa)*

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của chi nhánh/  
văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh như sau:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Doanh nghiệp cam kết:**

Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông báo này.

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

Kèm theo thông báo:

- .....

- .....

- .....

## **19. Thủ tục Đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư gắn liền thành lập doanh nghiệp**

- *Trình tự thực hiện:*

\* Bước 1: Doanh nghiệp liên hệ Phòng Quản lý Đầu tư - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh để được hướng dẫn và chuẩn bị thủ tục hồ sơ theo quy định.

\* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, số 35 Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ hai đến thứ sáu, sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ.

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thì phải xuất trình CMND (hoặc hộ chiếu hoặc chứng từ chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định) và văn bản ủy quyền có xác nhận chính quyền địa phương hoặc Công chứng nhà nước.

+ Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầu mục hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ (đầu mục hồ sơ đầy đủ và kê khai đầy đủ theo quy định): lập và giao biên nhận hồ sơ cho chủ đầu tư theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên tiếp nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn lại thủ tục hồ sơ theo quy định.

\* Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đại diện ủy quyền của doanh nghiệp đến Tổ tiếp nhận và trả kết quả để nhận kết quả giải quyết.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

\* Bản đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh (*theo mẫu*);

\* Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư;

\* Bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng liên doanh hoặc Hợp đồng hợp tác kinh doanh;

\* Bản sửa đổi bổ sung Điều lệ doanh nghiệp;

\* Thông báo bổ sung, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (*theo mẫu*);

\* Các văn bản kèm theo thông báo: Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, của Đại hội

đồng cổ đông đối với công ty cổ phần và của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty TNHH một thành viên và quyết định của chủ doanh nghiệp tư nhân (*trường hợp thay đổi, bổ sung*);

\* Bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương Bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (*trường hợp thay đổi, bổ sung; trường hợp là tổ chức nước ngoài thì bản sao Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ tương đương khác phải có chứng thực của cơ quan nơi tổ chức đó đã đăng ký không quá ba tháng trước ngày nộp hồ sơ*);

\* Danh sách thành viên đối với công ty TNHH có hai thành viên trở lên/cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần/người đại diện theo ủy quyền đối với công ty TNHH một thành viên có hai người ủy quyền trở lên/thành viên hợp danh đối với Công ty Hợp danh (*trường hợp có sự bổ sung, thay đổi và áp dụng theo mẫu*);

\* Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các chức danh quản lý doanh nghiệp (*trường hợp bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề*);

\* Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan có thẩm quyền (*nếu trường hợp bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định, trừ trường hợp vốn chủ sở hữu được ghi trong bảng tổng kết tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất lớn hơn hoặc bằng nước vốn pháp định theo quy định*);

\* Báo cáo tài chính của công ty tại kỳ gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ (Đối với trường hợp giảm vốn điều lệ, doanh nghiệp phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn). Đối với công ty có phần vốn sở hữu nước ngoài chiếm trên 50%, báo cáo tài chính phải được xác nhận của kiểm toán độc lập (*trường hợp thay đổi vốn điều lệ*);

\* Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới vào công ty (đối với trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH có hai thành viên trở lên do tiếp nhận thành viên mới);

\* Hợp đồng chuyển nhượng và các giấy tờ chứng thực đã hoàn tất việc chuyển nhượng có xác nhận của công ty (trường hợp thay đổi thành viên do chuyển nhượng phần vốn góp);

\* Bản sao hợp lệ bản án, quyết định tòa án đã có hiệu lực pháp luật (*khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo quyết định của Tòa án*);

\* Các thủ tục hồ sơ khác quy định tại các luật có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gốc, 01 bộ copy).

- *Thời hạn giải quyết*: 07 ngày làm việc.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Tổ chức.

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): các Bộ, Sở, ban, ngành có liên quan.

- *Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính*: Giấy chứng nhận đầu tư .

- *Lệ phí (nếu có)*: không có.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:

\* Bản đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh/hoặc đăng ký hoạt động của chi nhánh trong Giấy chứng nhận đầu tư) (Phụ lục I-7, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

\* Danh sách thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên (Phụ lục I-8, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

\* Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (Phụ lục I-9, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

\* Danh sách thành viên sáng lập công ty hợp danh (Phụ lục I-10, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

\* Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục II-1,

Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh);

\* Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (Phụ lục II-2, Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh);

\* Danh sách thành viên công ty hợp danh (Phụ lục II-3, Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh);

\* Danh sách người đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH một thành viên (đối với chủ sở hữu là tổ chức) (Phụ lục II-4, Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh);

\* Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp (Phụ lục III-5, Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh);

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

**\* Điều kiện về tên doanh nghiệp:**

• Theo quy định Luật Doanh nghiệp 2005:

+ Tên doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phải phát âm được và có ít nhất hai thành tố sau đây:

a) Loại hình doanh nghiệp;

b) Tên riêng.

2. Tên doanh nghiệp phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

3. Căn cứ vào quy định tại Điều này và các điều 32, 33 và 34 của Luật này, cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp. Quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng.

+ Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:

1. Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

2. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

3. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

+ Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên bằng tiếng Việt sang tiếng nước ngoài tương ứng. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

2. Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp tại cơ sở của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

3. Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên bằng tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

+ Tên trùng và tên gây nhầm lẫn:

1. Tên trùng là tên của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

2. Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

a) Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

b) Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên doanh nghiệp đã đăng ký bởi ký hiệu “&”;

c) Tên viết tắt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

d) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;

đ) Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái tiếng Việt ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký;

e) Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;

g) Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bằng các từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc các từ có ý nghĩa tương tự, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký.

• Theo quy định Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh:

+ Tên doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phát âm được và phải có hai thành tố sau đây:

a) Thành tố thứ nhất: Loại hình doanh nghiệp, bao gồm: công ty trách nhiệm hữu hạn, cụm từ trách nhiệm hữu hạn có thể viết tắt là TNHH; công ty cổ phần, từ cổ phần có thể viết tắt là CP; công ty hợp danh, từ hợp danh có thể viết tắt là HD; doanh nghiệp tư nhân, từ tư nhân có thể viết tắt là TN;

b) Thành tố thứ hai: Tên riêng của doanh nghiệp;

Riêng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể sử dụng tên riêng bằng tiếng nước ngoài đã đăng ký để cấu thành một phần hoặc toàn bộ tên riêng của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp có thể sử dụng ngành, nghề kinh doanh, hình thức đầu tư hay yếu tố phụ trợ khác để cấu thành tên riêng của doanh nghiệp nếu doanh nghiệp có



đăng ký kinh doanh ngành, nghề đó hoặc thực hiện đầu tư theo hình thức đó. Khi không còn kinh doanh ngành, nghề hoặc thực hiện hình thức đầu tư đã dùng để cấu thành tên riêng của doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải đăng ký đổi tên.

3. Nếu tên riêng của doanh nghiệp sử dụng các thành tố có tính chất mô tả xuất xứ, chất lượng hàng hóa, dịch vụ thì phải được cơ quan quản lý nhà nước xác nhận.

+ Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:

1. Không được đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp khác đã đăng ký trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Quy định này không bao gồm doanh nghiệp đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Không được sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

3. Không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc, tên danh nhân để đặt tên riêng cho doanh nghiệp.

4. Không được sử dụng tên thương mại của tổ chức, cá nhân khác đã đăng ký bảo hộ để cấu thành tên riêng của doanh nghiệp trừ trường hợp được sự chấp thuận của chủ sở hữu tên thương mại đó. Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm quy định này. Trường hợp tên của doanh nghiệp vi phạm các quy định của pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại thì doanh nghiệp có tên vi phạm phải đăng ký đổi tên.

+ Tên trùng và tên gây nhầm lẫn:

1. Tên trùng là trường hợp tên của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

2. Các trường hợp sau đây được coi là gây nhầm lẫn với tên của các doanh nghiệp khác:

a) Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

b) Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên doanh nghiệp đã đăng ký bởi ký hiệu “&”; ký hiệu “-”; chữ “và”;

c) Tên viết tắt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp khác đã đăng ký;

d) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp khác đã đăng ký;

đ) Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi một hoặc một số các số tự nhiên, số thứ tự hoặc một hoặc một số chữ cái tiếng Việt (A, B, C,...) ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là doanh nghiệp con của doanh nghiệp đã đăng ký;

e) Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước, hoặc “mới” ngay sau tên của doanh nghiệp đã đăng ký;

g) Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi các từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc các từ có ý nghĩa tương tự; trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là doanh nghiệp con của doanh nghiệp đã đăng ký;

h) Tên riêng của doanh nghiệp trùng với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký.

+ Các vấn đề khác liên quan đến đặt tên doanh nghiệp:

1. Các doanh nghiệp đăng ký trước khi Nghị định này có hiệu lực có tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên doanh nghiệp khác theo quy định tại Điều 12 Nghị định này không bị buộc phải đăng ký đổi tên. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có tên trùng và tên gây nhầm lẫn tự thương lượng với nhau để đăng ký đổi tên doanh nghiệp.

2. Căn cứ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Luật Doanh nghiệp và quy định tại Chương này, cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp và quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng.

3. Trước khi đăng ký đặt tên doanh nghiệp, doanh nghiệp tham khảo tên các công ty đang hoạt động lưu giữ tại Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở chính.

**\* Điều kiện về Trụ sở chính doanh nghiệp và địa điểm thực hiện dự án:**

+ Trụ sở chính của doanh nghiệp là địa điểm liên lạc, giao dịch của doanh nghiệp; phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

+ Doanh nghiệp phải thông báo thời gian mở cửa tại trụ sở chính với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Và các điều kiện khác theo quy định.

**\* Điều kiện về Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu thực hiện dự án:**

• Theo quy định Luật Doanh nghiệp 2005:

Ngành, nghề và điều kiện kinh doanh:

1. Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có quyền kinh doanh các ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

2. Đối với ngành, nghề mà pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan quy định phải có điều kiện thì doanh nghiệp chỉ được kinh doanh ngành, nghề đó khi có đủ điều kiện theo quy định.

Điều kiện kinh doanh là yêu cầu mà doanh nghiệp phải có hoặc phải thực hiện khi kinh doanh ngành, nghề cụ thể, được thể hiện bằng giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, yêu cầu về vốn pháp định hoặc yêu cầu khác.

3. Cấm hoạt động kinh doanh gây phương hại đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam và sức khỏe của nhân dân, làm hủy hoại tài nguyên, phá hủy môi trường.

Chính phủ quy định cụ thể danh mục ngành, nghề kinh doanh bị cấm.

4. Chính phủ định kỳ rà soát, đánh giá lại toàn bộ hoặc một phần các điều kiện kinh doanh; bãi bỏ hoặc kiến nghị bãi bỏ các điều kiện không còn phù hợp; sửa đổi hoặc kiến nghị sửa đổi các điều kiện bất hợp lý; ban hành hoặc kiến nghị ban hành điều kiện kinh doanh mới theo yêu cầu quản lý nhà nước.

5. Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp không được quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh.

• Theo quy định Nghị định số 88/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29 tháng 8 năm 2006 về đăng ký kinh doanh:

Ngành, nghề kinh doanh:

1. Ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo Hệ thống ngành kinh tế quốc dân, trừ những ngành, nghề cấm kinh doanh.

2. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

3. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi ngành, nghề kinh doanh đó vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê để bổ sung mã mới.

4. Đối với ngành, nghề kinh doanh quy định phải có chứng chỉ hành nghề, mỗi cá nhân chỉ được sử dụng chứng chỉ hành nghề để đăng ký kinh doanh ở một doanh nghiệp.

5. Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại các Luật, Pháp lệnh hoặc Nghị định của Chính phủ. Nghiêm cấm việc ban hành và quy định không đúng thẩm quyền về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

• Theo quy định Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp:

+ Ngành, nghề cấm kinh doanh:

1. Danh mục ngành, nghề cấm kinh doanh gồm:

a) Kinh doanh vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; quân trang (bao gồm cả phù hiệu, cấp hiệu, quân hiệu của quân đội, công an), quân dụng cho lực lượng vũ trang; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng;

b) Kinh doanh chất ma túy các loại;

c) Kinh doanh hóa chất bảng 1 (theo Công ước quốc tế);

d) Kinh doanh các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách;

đ) Kinh doanh các loại pháo;

e) Kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội;

g) Kinh doanh các loại thực vật, động vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc Danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là

thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng;

- h) Kinh doanh mại dâm, tổ chức mại dâm, buôn bán phụ nữ, trẻ em;
- i) Kinh doanh dịch vụ tổ chức đánh bạc, gá bạc dưới mọi hình thức;
- k) Kinh doanh dịch vụ điều tra bí mật xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân;
- l) Kinh doanh dịch vụ môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài;
- m) Kinh doanh dịch vụ môi giới nhận cha, mẹ, con nuôi, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài;
- n) Kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường;
- o) Kinh doanh các loại sản phẩm, hàng hóa và thiết bị cấm lưu hành, cấm sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành và/hoặc sử dụng tại Việt Nam;
- p) Các ngành, nghề cấm kinh doanh khác được quy định tại các luật, pháp lệnh và nghị định chuyên ngành.

2. Việc kinh doanh các ngành, nghề quy định tại khoản 1 Điều này trong một số trường hợp đặc biệt áp dụng theo quy định của các luật, pháp lệnh hoặc nghị định chuyên ngành liên quan.

+ Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh:

1. Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh áp dụng theo các quy định của các luật, pháp lệnh, nghị định chuyên ngành hoặc quyết định có liên quan của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi chung là pháp luật chuyên ngành).

2. Điều kiện kinh doanh được thể hiện dưới các hình thức:

- a) Giấy phép kinh doanh;
- b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;
- c) Chứng chỉ hành nghề;
- d) Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;
- đ) Xác nhận vốn pháp định;
- e) Chấp thuận khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- g) Các yêu cầu khác mà doanh nghiệp phải thực hiện hoặc phải có mới được quyền kinh doanh ngành nghề đó mà không cần xác nhận, chấp thuận dưới bất kỳ hình thức nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Các quy định về loại ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề đó tại các văn bản quy phạm pháp luật khác ngoài các loại văn bản quy phạm pháp luật nói tại khoản 1 Điều này đều hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008.

+ Ngành, nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề:

1. Chứng chỉ hành nghề nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Doanh nghiệp là văn bản mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc hiệp hội nghề nghiệp được Nhà nước ủy quyền cấp cho cá nhân có đủ trình độ chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp về một ngành, nghề nhất định.

Chứng chỉ hành nghề được cấp ở nước ngoài không có hiệu lực thi hành tại Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành hoặc Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2. Ngành, nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề và điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề tương ứng áp dụng theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

3. Đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật thì việc đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh đó phải thực hiện theo quy định dưới đây:

a) Đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật yêu cầu Giám đốc doanh nghiệp hoặc người đứng đầu cơ sở kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề thì Giám đốc của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu cơ sở kinh doanh đó phải có chứng chỉ hành nghề.

b) Đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật yêu cầu Giám đốc và người khác phải có chứng chỉ hành nghề thì Giám đốc của doanh nghiệp đó và ít nhất một cán bộ chuyên môn theo quy định của pháp luật chuyên ngành đó phải có chứng chỉ hành nghề.

c) Đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật không yêu cầu Giám đốc hoặc người đứng đầu cơ sở kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề thì ít nhất một cán bộ chuyên môn theo quy định của pháp luật chuyên ngành đó phải có chứng chỉ hành nghề.

+ Ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định:

1. Ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định, mức vốn pháp định cụ thể, cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về vốn pháp định, cơ quan, tổ chức có thẩm

quyền xác nhận vốn pháp định, hồ sơ, điều kiện và cách thức xác nhận vốn pháp định áp dụng theo các quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và Giám đốc/Tổng giám đốc (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn), Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc/Tổng giám đốc (đối với công ty cổ phần), tất cả các thành viên hợp danh (đối với công ty hợp danh) và chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân (đối với doanh nghiệp tư nhân) phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của số vốn được xác nhận là vốn pháp định khi thành lập doanh nghiệp. Doanh nghiệp có nghĩa vụ bảo đảm mức vốn điều lệ thực tế không thấp hơn mức vốn pháp định đã được xác nhận trong cả quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Đối với doanh nghiệp đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký bổ sung ngành, nghề phải có vốn pháp định thì việc đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh phải có thêm xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận vốn pháp định, trừ trường hợp vốn chủ sở hữu được ghi trong bảng tổng kết tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất lớn hơn hoặc bằng vốn pháp định theo quy định.

4. Người trực tiếp xác nhận vốn pháp định cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số vốn tại thời điểm xác nhận.

+ Và các điều kiện theo quy định.

**\* Điều kiện về thành viên:**

- Theo quy định Luật Doanh nghiệp năm 2005:

Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp:

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

2. Tổ chức, cá nhân sau đây không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

b) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên

ng nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

d) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

đ) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

e) Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

3. Tổ chức, cá nhân có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

4. Tổ chức, cá nhân sau đây không được mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

b) Các đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

• Theo quy định Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh:

Các giấy tờ chứng thực cá nhân trong hồ sơ đăng ký kinh doanh:

1. Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam ở trong nước.

2. Một trong số các giấy tờ còn hiệu lực đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài sau đây:

a) Hộ chiếu Việt Nam;

b) Hộ chiếu nước ngoài (hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài) và một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau:

✓ Giấy chứng nhận có quốc tịch Việt Nam;

✓ Giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam;



- ✓ Giấy xác nhận đăng ký công dân;
- ✓ Giấy xác nhận gốc Việt Nam;
- ✓ Giấy xác nhận có gốc Việt Nam;
- ✓ Giấy xác nhận có quan hệ huyết thống Việt Nam;
- ✓ Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật.

3. Thẻ thường trú do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp và Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam.

4. Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam.

• Theo quy định Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

+ Quyền góp vốn, mua cổ phần:

1. Tất cả các tổ chức là pháp nhân, gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, không phân biệt nơi đăng ký trụ sở chính và mọi cá nhân, không phân biệt quốc tịch và nơi cư trú, nếu không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp, đều có quyền góp vốn, mua cổ phần với mức không hạn chế tại doanh nghiệp theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp, trừ các trường hợp dưới đây:

a) Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại các công ty niêm yết thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

b) Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong các trường hợp đặc thù áp dụng quy định của các luật nói tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này và các quy định pháp luật chuyên ngành khác có liên quan;

c) Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước cổ phần hóa hoặc chuyển đổi sở hữu theo hình thức khác thực hiện theo pháp luật về cổ phần hóa và chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

d) Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ áp dụng theo Biểu cam kết cụ thể về thương mại dịch vụ (Phụ lục Nghị định thư gia nhập WTO của Việt Nam).

2. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc nhận chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên hoặc của chủ sở hữu công ty

theo quy định về góp vốn hoặc chuyển nhượng phần vốn góp; và đăng ký thay đổi thành viên theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 88/2006/NĐ-CP.

Việc đăng ký thay đổi thành viên đối với công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện tại cơ quan nhà nước quản lý đầu tư có thẩm quyền.

Việc đăng ký thay đổi thành viên trong trường hợp khác thực hiện tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

3. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần mới phát hành, nhận chuyển nhượng cổ phần theo quy định về mua cổ phần, chuyển nhượng cổ phần và thực hiện đăng ký cổ đông, hoặc đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp nhận vốn góp cổ phần của cổ đông sáng lập quy định tại khoản 3 Điều 84 hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Doanh nghiệp, thì còn phải đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập theo quy định của Nghị định số 88/2006/NĐ-CP tại cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan nhà nước quản lý đầu tư có thẩm quyền.

+ Cấm cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước để góp vốn, mua cổ phần và thành lập doanh nghiệp để thu lợi riêng:

1. Nghiêm cấm cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản của Nhà nước và công quỹ để thành lập doanh nghiệp, góp vốn và mua cổ phần của doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình.

2. Tài sản của Nhà nước và công quỹ quy định tại Điều này bao gồm:

a) Tài sản được mua sắm bằng vốn ngân sách nhà nước và vốn có nguồn gốc ngân sách nhà nước;

b) Kinh phí được cấp từ ngân sách nhà nước;

c) Đất được giao sử dụng để thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

d) Tài sản và thu nhập khác được tạo ra từ việc sử dụng các tài sản và kinh phí nói trên.

3. Thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình là việc sử dụng thu nhập dưới mọi hình thức có được từ hoạt động kinh doanh, từ góp vốn, mua cổ phần vào ít nhất một

trong các mục đích sau đây:

a) Chia dưới mọi hình thức cho một số hoặc tất cả cán bộ, nhân viên của cơ quan, đơn vị;

b) Bổ sung vào ngân sách hoạt động của cơ quan, đơn vị trái với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Lập quỹ hoặc bổ sung vào quỹ phục vụ lợi ích riêng của cơ quan, đơn vị.

+ Hướng dẫn bổ sung về một số quyền và nghĩa vụ của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn:

1. Trường hợp cá nhân là thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn bị tạm giữ, tạm giam, bị kết án tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật, thì thành viên đó ủy quyền cho người khác tham gia Hội đồng thành viên quản lý công ty.

2. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên, nếu có thành viên là cá nhân làm người đại diện theo pháp luật của công ty bị tạm giữ, tạm giam, trốn khỏi nơi cư trú, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật thì thành viên còn lại đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên.

3. Trường hợp công ty không mua lại phần vốn góp, không thanh toán được phần vốn góp được mua lại hoặc không thỏa thuận được về giá mua lại phần vốn góp như quy định tại Điều 43 của Luật Doanh nghiệp thì thành viên yêu cầu công ty mua lại có quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho người khác. Trong trường hợp này, việc chuyển nhượng không bắt buộc phải thực hiện theo quy định tại Điều 44 của Luật Doanh nghiệp.

4. Thành viên chưa góp hoặc đã góp vốn nhưng chưa góp đủ và đúng hạn số vốn như đã cam kết thì phải trả lãi cao nhất của các ngân hàng thương mại cho đến khi nộp đủ số vốn đã cam kết góp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác hoặc các thành viên có thỏa thuận khác.

+ Hướng dẫn bổ sung về Giám đốc (Tổng giám đốc) và thành viên Hội đồng quản trị:

1. Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;

b) Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 5% số cổ phần phổ thông (đối với công ty cổ phần), thành viên là cá nhân sở hữu ít nhất 10% vốn điều lệ (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn) hoặc người khác thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của công ty.

Trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn và điều kiện khác với tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm này, thì áp dụng tiêu chuẩn và điều kiện do Điều lệ công ty quy định;

c) Đối với công ty con của công ty có phần vốn góp, cổ phần của Nhà nước chiếm hơn 50% vốn điều lệ, thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại các điểm a và b khoản này, Giám đốc (Tổng giám đốc) của công ty con không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi hoặc anh, chị, em ruột của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty con đó.

2. Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là tổ chức phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế tương ứng trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Trường hợp chủ sở hữu công ty là cơ quan nhà nước hoặc doanh nghiệp có hơn 50% sở hữu nhà nước thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại các điểm a và b khoản này, Giám đốc (Tổng giám đốc) không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi hoặc anh, chị, em ruột của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan nhà nước và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty đó.

3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;

b) Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông; hoặc cổ đông sở hữu ít hơn 5% tổng số cổ phần, người không phải là cổ đông thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của công ty.

Trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn và điều kiện khác với tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm này, thì áp dụng tiêu chuẩn và điều kiện do Điều lệ công ty quy định;

4. Nếu Điều lệ công ty không quy định khác thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc/Tổng giám đốc của công ty đó có thể kiêm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc/Tổng giám đốc (trừ Giám đốc/Tổng giám đốc công ty cổ phần) của công ty khác.

5. Trường hợp cá nhân người nước ngoài được giao làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, thì người đó phải ở Việt Nam trong suốt thời hạn của nhiệm kỳ và phải đăng ký tạm trú theo quy định của pháp luật. Trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam trong thời hạn quá 30 ngày liên tục thì phải:

a) Ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều lệ công ty để người đó thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

b) Gửi văn bản ủy quyền đó đến Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban Quản lý khu công nghiệp, Ban Quản lý khu kinh tế nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở chính để biết ít nhất 2 ngày trước khi xuất cảnh.

**\* Điều kiện về chuyển nhượng vốn:**

+ Bảo đảm các yêu cầu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan;

+ Bảo đảm tỷ lệ và các điều kiện phù hợp với quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

+ Việc chuyển nhượng vốn là giá trị quyền sử dụng đất phải phù hợp với quy định pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

**\* Điều kiện Thời hạn thông báo thay đổi:**

+ Ngành nghề kinh doanh: 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh;

+ Địa chỉ trụ sở chính: 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định chuyển địa chỉ trụ sở chính;

+ Tên doanh nghiệp: 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định đổi tên;

+ Thành viên Hợp danh, cổ đông sáng lập công ty Cổ phần, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi;

+ Người đại diện theo pháp luật : 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi;

+ Thay đổi vốn điều lệ công ty : 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định tăng, giảm vốn điều lệ hoặc thay đổi tỷ lệ vốn góp;

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

\* Luật Đầu tư năm 2005.

\* Luật Doanh nghiệp năm 2005.

\* Luật Thương mại năm 2005.

\* Luật Kinh doanh bất động sản năm 2006.

\* Nghị quyết của Quốc hội số 71/2006 ngày 29 tháng 11 năm 2006 phê chuẩn Nghị định thư gia nhập Hiệp định thành lập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

\* Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

\* Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

\* Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

\* Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

\* Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

\* Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn thi hành quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng

hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

\* Nghị định số 140/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về điều kiện kinh doanh dịch vụ lô-gi-stíc và giới hạn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ lô-gi-stíc.

\* Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản.

\* Quyết định số 731/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

\* Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 có tính đến 2020.

\* Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

\* Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

\* Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy định nội dung Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

\* Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21 tháng 5 năm 2007 của Bộ Thương mại về Công bố Lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

\* Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

\* Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

\* Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17 tháng 7 năm 2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn thi hành quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng

hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

\* Thông tư số 05/2008/TT-BCT ngày 14 tháng 4 năm 2008 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17 tháng 7 năm 2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

\* Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt đề án chuyên dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp - phát triển công nghiệp hiệu quả cao trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực kể từ ngày ký.

\* Quyết định số 30/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.



**\* Mẫu Bản đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh/hoặc đăng ký hoạt động của chi nhánh trong Giấy chứng nhận đầu tư)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH/hoặc**  
**ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH**

[01] **Kính gửi:**

[02] Nhà đầu tư:

Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh/hoặc đăng ký hoạt động của Chi nhánh trong Giấy chứng nhận đầu tư (*số, ngày cấp, nơi cấp*) với nội dung sau:

*(Ghi nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và nội dung đề nghị điều chỉnh nếu có trong các mục dưới đây. Đối với trường hợp đăng ký hoạt động Chi nhánh thì không cần khai mục 3, 6 và 7 dưới đây và thay từ “doanh nghiệp” bằng từ “Chi nhánh”)*

[03] **1. Tên doanh nghiệp:**

[04] **2. Địa chỉ trụ sở chính:**

[05] Chi nhánh/Văn phòng đại diện (*nếu có*)

[06] **3. Loại hình doanh nghiệp:**

[07] **4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/hoặc người đứng đầu Chi nhánh:**

[08] **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

[09] **6. Vốn của doanh nghiệp:**

[10] **7. Vốn pháp định:**

**8. Nhà đầu tư cam kết:**

a) Về tính chính xác của nội dung hồ sơ điều chỉnh;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

[19]

**NHÀ ĐẦU TƯ**

[20] **Hồ sơ kèm theo:**

\* Mẫu Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐỐI VỚI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
CÓ TỪ HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Số TT	Tên thành viên sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
				Tổng giá trị vốn góp	Phương thức góp vốn	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

Cột (2) Thành viên là cá nhân: Họ và tên/ngày sinh/Giới tính/Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Thành viên là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Đối với thành viên là tổ chức: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

## \* Mẫu Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP ĐỐI VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN

Số TT	Tên Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp						Thời điểm góp vốn	Chữ ký của cổ đông sáng lập
				Tổng số cổ phần		Loại cổ phần					
						Phổ thông		.....			
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

Cột (2) Cổ đông sáng lập là cá nhân: Họ và tên/ngày sinh/Giới tính/Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Cổ đông sáng lập là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Cổ đông sáng lập là pháp nhân: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với cổ đông sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với cổ đông sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

**\* Mẫu Danh sách thành viên sáng lập công ty hợp danh****DANH SÁCH THÀNH VIÊN SÁNG LẬP ĐỐI VỚI CÔNG TY HỢP DANH**

Số TT	Tên thành viên	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Nghề nghiệp, trình độ chuyên môn của thành viên hợp danh	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
					Tổng giá trị vốn góp	Phần vốn góp	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

Cột (2) Thành viên là cá nhân: Họ và tên/ngày sinh/Giới tính/Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Thành viên là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Đối với thành viên là tổ chức: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

\* Mẫu Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÓ HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, Cơ quan cấp CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân, hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD đối với doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức khác	Vốn góp			Thời điểm góp vốn	Chữ ký của thành viên
									Phần vốn góp	Sở hữu vốn (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của công ty**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

Cột 10 ghi tổng giá trị vốn góp của từng thành viên.

## \* Mẫu Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

T T	Tên cổ đông sáng lập	Ngày tháng năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân, hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD đối với doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức khác	Vốn góp										Chữ ký của cổ đông sáng lập
									Tổng số cổ phần		Sở hữu vốn	Loại cổ phần						Thời điểm góp vốn	
												Phổ thông		.....		.....			
									Số lượng	Giá trị		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Đại diện theo pháp luật của công ty

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

Cột 11 ghi tổng giá trị vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập.

Tài sản hình thành tổng giá trị góp vốn cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản

## \* Mẫu Danh sách thành viên công ty hợp danh

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân, hoặc Giấy CN ĐKKD đối với doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức khác	Nghề nghiệp, trình độ chuyên môn của thành viên hợp danh	Vốn góp				Chữ ký của thành viên	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn góp	Sở hữu vốn	Phần vốn góp	Thời điểm góp vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	A. Thành viên hợp danh														
	B. Thành viên góp vốn (nếu có)														

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của công ty**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

Cột 11 ghi tổng giá trị vốn góp của từng thành viên.

Tài sản hình thành tổng giá trị vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: *tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.*

**\* Mẫu Danh sách người đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH một thành viên (đối với chủ sở hữu là tổ chức)**

**DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN (đối với chủ sở hữu là tổ chức)**

TT	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp CMND hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn góp		Chữ ký	Ghi chú
									Tổng giá trị vốn được đại diện	Thời điểm đại diện phân vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của công ty**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Tài sản hình thành tổng giá trị vốn góp được quyền đại diện của từng cá nhân cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản



\* Mẫu thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**  
**CỦA DOANH NGHIỆP**  
(Thay đổi lần thứ .....)

**Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh .....**

1. Tên doanh nghiệp: *(ghi bằng chữ in hoa)*.....  
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: .....  
Do: ..... Cấp ngày: ...../...../.....  
Vốn điều lệ (vốn đầu tư): .....  
Ngành, nghề đăng ký kinh doanh:

STT	Mã ngành	Tên ngành

Địa chỉ trụ sở chính: .....  
Điện thoại: ..... Fax: .....  
Email: ..... Website: .....  
2. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: *(ghi bằng chữ in hoa)*  
..... Nam/Nữ .....  
Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....  
Chứng minh nhân dân số: .....  
Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....  
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu có)*: .....  
Số giấy chứng thực cá nhân: ..... Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....  
Chỗ ở hiện tại: .....

**Đăng ký thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký kinh doanh như sau:**

1. Ngành, nghề đăng ký bổ sung hoặc thay đổi: (đối với trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh)

STT	Mã ngành	Tên ngành

2. Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến: (đối với trường hợp đăng ký thay đổi trụ sở chính)

.....

.....

3. Tên doanh nghiệp dự kiến thay đổi (đối với trường hợp đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp)

.....

.....

4. Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh/Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần

(Đối với đăng ký thay đổi thành viên hợp danh, ghi: Họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, nơi cư trú của thành viên hợp danh mới; của thành viên hợp danh bị khai trừ hoặc tự nguyện rút khỏi công ty;

Đối với đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần ghi: Họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, chức danh, nơi cư trú của người thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty).

.....

.....

5. Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân/Đăng ký thay đổi vốn điều lệ công ty (đối với trường hợp đăng ký thay đổi vốn đầu tư, vốn điều lệ)

(Đối với thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân, ghi: Mức vốn đăng ký thay đổi, phương thức và thời điểm thay đổi vốn đầu tư

Đối với thay đổi vốn điều lệ của công ty, ghi: Tên, địa chỉ, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp hoặc số quyết định thành lập, số đăng ký kinh doanh của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, của chủ sở hữu và người được ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần; Tỷ lệ phần vốn góp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên hoặc của mỗi cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần, tỷ lệ sở hữu được ủy quyền của từng đại diện ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo mô hình Hội đồng thành viên; vốn điều lệ dự định tăng thêm hoặc giảm xuống; thời điểm góp thêm vốn hoặc thời điểm hoàn trả lại vốn và phương thức hoàn trả).

6. Đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập công ty cổ phần/Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (đối với trường hợp đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn)

(Đối với đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập công ty cổ phần, ghi: Tên, trụ sở chính hoặc họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, quốc tịch, phần vốn góp của cổ đông sáng lập không thực hiện cam kết góp vốn; Tên, trụ sở chính hoặc họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (nếu có) hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, quốc tịch, chữ ký và phần vốn góp sau khi góp bù của các cổ đông sáng lập còn lại đối với trường hợp các cổ đông sáng lập còn lại nhận góp bù cho đủ vốn; Tên, trụ sở chính hoặc họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (nếu có) hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, quốc tịch, chữ ký và phần vốn góp sau khi góp bù của người nhận góp bù đối với trường hợp người nhận góp bù không phải là cổ đông sáng lập

Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, ghi: Tên, trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức, họ tên, quốc tịch, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; giá trị vốn góp và phần vốn góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng và giá trị của từng loại tài sản góp vốn của các thành viên mới; Phần vốn góp đã thay đổi tương ứng đối với thành viên hiện có sau khi tiếp nhận thêm thành viên mới; trường hợp thay đổi thành viên do thừa kế: ghi Họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, quốc tịch, phần vốn góp của thành viên để lại thừa kế; Họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, quốc tịch, chữ ký và phần vốn góp của từng người nhận thừa kế; Thời điểm thừa kế)

7. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động theo quyết định của Tòa án (đối với trường hợp đăng ký thay đổi theo quyết định của Tòa án)

Tên Tòa án:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Bản án/quyết định số:.....

Nội dung đăng ký thay đổi, bổ sung:

.....

.....

.....

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông báo này.

....., ngày ... tháng ... năm .....

Kèm theo thông báo:

- .....

- .....

- .....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP/CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG  
THÀNH VIÊN/CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY/CHỦ TỊCH  
CÔNG TY/CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ\***  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

\* Ghi chú: Người ký trong Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh trong từng trường hợp cụ thể thực hiện theo quy định tại Chương V Nghị định số 88/2006/NĐ-CP

## **20. Thủ tục Đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư không gắn liền với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh**

- *Trình tự thực hiện:*

\* Bước 1: Doanh nghiệp liên hệ Phòng Quản lý Đầu tư - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh để được hướng dẫn và chuẩn bị thủ tục hồ sơ theo quy định.

\* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, số 35 Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ hai đến thứ sáu, sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ.

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thì phải xuất trình CMND (hoặc hộ chiếu hoặc chứng từ chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định) và văn bản ủy quyền có xác nhận chính quyền địa phương hoặc Công chứng nhà nước.

+ Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầu mục hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ (đầu mục hồ sơ đầy đủ và kê khai đầy đủ theo quy định): lập và giao biên nhận hồ sơ cho chủ đầu tư theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên tiếp nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn lại thủ tục hồ sơ theo quy định.

\* Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đại diện ủy quyền của doanh nghiệp đến Tổ tiếp nhận và trả kết quả để nhận kết quả giải quyết.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

\* Bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư (*theo mẫu*);

\* Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư;

\* Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (*mọi trường hợp tăng vốn đầu tư, trừ trường hợp dự án đầu tư trong nước thuộc diện đăng ký điều chỉnh*);

\* Văn bản chấp thuận việc sử dụng vốn nhà nước để đầu tư (*đối với dự án tăng vốn đầu tư trong đó phần vốn tăng sử dụng vốn nhà nước*);

\* Bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng liên doanh hoặc Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*trường hợp dự án có vốn đầu tư nước ngoài*);

\* Bản sửa đổi bổ sung Điều lệ doanh nghiệp (*trường hợp dự án có vốn đầu tư nước ngoài*).

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gốc, 01 bộ copy).

- *Thời hạn giải quyết*: 15 ngày làm việc.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Tổ chức.

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): các Bộ, Sở, ban, ngành có liên quan.

- *Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính*: Giấy chứng nhận đầu tư.

- *Lệ phí (nếu có)*: không có.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:

\* Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp/hoặc Chi nhánh) (Phụ lục I-4, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*:

**\* Điều kiện về điều chỉnh dự án đầu tư:**

1. Khi điều chỉnh dự án đầu tư liên quan đến mục tiêu, quy mô, địa điểm, hình thức, vốn và thời hạn thực hiện dự án đầu tư, nhà đầu tư phải làm thủ tục tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ để làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư.

2. Các dự án đầu tư không phải làm thủ tục đăng ký điều chỉnh hoặc thẩm tra điều chỉnh gồm các dự án không điều chỉnh về mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn, hình thức, thời hạn; hoặc sau khi điều chỉnh về mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn, hình thức, thời hạn, dự án thuộc các trường hợp sau:

a) Các dự án đầu tư trong nước sau khi điều chỉnh có quy mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

b) Các dự án đầu tư trong nước mà sau khi điều chỉnh, dự án có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và không thay đổi mục tiêu, địa điểm đầu tư.

\* **Điều kiện về Địa điểm thực hiện dự án:** phù hợp với các Quyết định phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 của các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

\* **Điều kiện về mục tiêu thực hiện dự án:**

+ Lĩnh vực cấm đầu tư:

1. Các dự án gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia và lợi ích công cộng.

2. Các dự án gây phương hại đến di tích lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.

3. Các dự án gây tổn hại đến sức khỏe nhân dân, làm hủy hoại tài nguyên, phá hủy môi trường.

4. Các dự án xử lý phế thải độc hại đưa từ bên ngoài vào Việt Nam; sản xuất các loại hóa chất độc hại hoặc sử dụng tác nhân độc hại bị cấm theo điều ước quốc tế.

+ Dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư:

1. Các dự án đầu tư không phân biệt nguồn vốn, quy mô đầu tư trong những lĩnh vực sau:

a) Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không; vận tải hàng không;

b) Xây dựng và kinh doanh cảng biển quốc gia;

c) Thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí; thăm dò, khai thác khoáng sản;

d) Phát thanh, truyền hình;

đ) Kinh doanh casino;

e) Sản xuất thuốc lá điếu;

g) Thành lập cơ sở đào tạo đại học;

h) Thành lập khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế.

2. Dự án đầu tư không thuộc quy định tại khoản 1 trên, không phân biệt nguồn vốn và có quy mô vốn đầu tư từ 1.500 tỷ đồng Việt Nam trở lên trong những lĩnh vực sau:

a) Kinh doanh điện; chế biến khoáng sản; luyện kim;

b) Xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa;

c) Sản xuất, kinh doanh rượu, bia;

3. Dự án có vốn đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực sau:

a) Kinh doanh vận tải biển;

b) Thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát, viễn thông và Internet; thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng;

c) In ấn, phát hành báo chí; xuất bản;

d) Thành lập cơ sở nghiên cứu khoa học độc lập.

4. Đối với dự án đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 3 trên nằm trong quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà không phải trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

5. Trường hợp dự án đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 3 trên không nằm trong quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt hoặc dự án không đáp ứng các điều kiện mở cửa thị trường quy định tại điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư chủ trì, lấy ý kiến Bộ quản lý ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh bổ sung quy hoạch hoặc quyết định mở cửa thị trường đầu tư.

6. Trường hợp dự án đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 3 trên thuộc lĩnh vực chưa có quy hoạch, thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư lấy ý kiến Bộ quản lý ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan khác có liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

+ Dự án do Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận đầu tư:

Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (sau đây gọi là Ban Quản lý) thực hiện việc đăng ký đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, bao gồm cả các dự án đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại Điều 37 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.



+ Và các điều kiện theo quy định

**\* Điều kiện về chuyển nhượng vốn:**

1. Bảo đảm các yêu cầu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan;

2. Bảo đảm tỷ lệ và các điều kiện phù hợp với quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

3. Việc chuyển nhượng vốn là giá trị quyền sử dụng đất phải phù hợp với quy định pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

\* Luật Đầu tư năm 2005.

\* Luật Kinh doanh bất động sản năm 2006.

\* Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

\* Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

\* Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản.

\* Quyết định số 731/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

\* Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 có tính đến 2020.

\* Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

\* Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt đề án chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp - phát triển công nghiệp hiệu quả cao trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực kể từ ngày ký.

\* Quyết định số 30/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban

---

nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2009.

**\* Mẫu Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp/hoặc Chi nhánh)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ**

[01] **Kính gửi:**

[02] Nhà đầu tư:

Đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (*số, ngày cấp, nơi cấp*) với nội dung sau:

*(Ghi nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và nội dung đề nghị điều chỉnh nếu có trong các mục dưới đây)*

[11] **1. Tên dự án đầu tư:**

[12] **2. Địa điểm thực hiện dự án:** ; Diện tích đất dự kiến sử dụng:

[13] **3. Mục tiêu và quy mô của dự án:**

[14] **4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:**

[15] Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án

[16] **5. Thời hạn hoạt động:**

[17] **6. Tiến độ thực hiện dự án:**

[18] **7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:**

**8. Nhà đầu tư cam kết:**

a) Về tính chính xác của nội dung hồ sơ điều chỉnh;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

[19]

**NHÀ ĐẦU TƯ**

[20] **Hồ sơ kèm theo:**

## **21. Thủ tục Thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư gắn liền thành lập chi nhánh**

- *Trình tự thực hiện:*

\* Bước 1: Doanh nghiệp liên hệ Phòng Quản lý Đầu tư - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh để được hướng dẫn và chuẩn bị thủ tục hồ sơ theo quy định.

\* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, số 35 Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ hai đến thứ sáu, sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ.

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thì phải xuất trình CMND (hoặc hộ chiếu hoặc chứng từ chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định) và văn bản ủy quyền có xác nhận chính quyền địa phương hoặc Công chứng nhà nước.

+ Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầu mục hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ (đầu mục hồ sơ đầy đủ và kê khai đầy đủ theo quy định): lập và giao biên nhận hồ sơ cho chủ đầu tư theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên tiếp nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn lại thủ tục hồ sơ theo quy định.

\* Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đại diện ủy quyền của doanh nghiệp đến Tổ tiếp nhận và trả kết quả để nhận kết quả giải quyết.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

\* Bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư (*theo mẫu*);

\* Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư;

\* Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (*mọi trường hợp tăng vốn đầu tư, trừ trường hợp dự án đầu tư trong nước thuộc diện đăng ký điều chỉnh*);

\* Văn bản chấp thuận việc sử dụng vốn nhà nước để đầu tư (*đối với dự án tăng vốn đầu tư trong đó phần vốn tăng sử dụng vốn nhà nước*);

\* Bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng liên doanh hoặc Hợp đồng hợp tác kinh doanh

(trường hợp dự án có vốn đầu tư nước ngoài và (hoặc) thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh);

\* Bản sửa đổi bổ sung Điều lệ doanh nghiệp (trường hợp dự án có vốn đầu tư nước ngoài và (hoặc) thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh);

\* Giải trình lý do điều chỉnh;

\* Những thay đổi so với nội dung đã thẩm tra khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư;

\* Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án;

\* Thông báo thay đổi nội dung đăng ký của chi nhánh (theo mẫu);

\* Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề đối với người đứng đầu chi nhánh (đối với trường hợp bổ sung ngành nghề kinh doanh cho chi nhánh mà theo quy định của pháp luật ngành nghề đó phải có chứng chỉ hành nghề);

\* Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp (đối với trường hợp có sự thay đổi và trụ sở chính nằm ngoài các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh);

\* Các thủ tục hồ sơ khác quy định tại các luật có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ (01 bộ gốc, 03 bộ copy).

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): các Bộ, Sở, ban, ngành có liên quan.

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đầu tư.

- Lệ phí (nếu có): không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

\* Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp gắn liền với thành lập Chi nhánh) (Phụ lục I-5, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

\* Thông báo thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (Phụ lục III-4, Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh);

\* Các thủ tục hồ sơ khác quy định tại các luật có liên quan.

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

\* **Điều kiện về thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư:** Dự án đầu tư thuộc diện thẩm tra điều chỉnh gồm các dự án mà sau khi điều chỉnh về mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn, hình thức, thời hạn, dự án đó thuộc các trường hợp sau: dự án có vốn đầu tư nước ngoài sau khi điều chỉnh thuộc diện thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư; dự án đầu tư trong nước mà sau khi điều chỉnh, dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

\* **Điều kiện về tên chi nhánh:** Chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh phải mang tên của doanh nghiệp, kèm theo phần bổ sung tương ứng xác định chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh đó.

\* **Điều kiện về địa điểm thực hiện dự án, trụ sở chi nhánh:**

+ Trụ sở chi nhánh của doanh nghiệp là địa điểm liên lạc, giao dịch của doanh nghiệp; phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

+ Và các yêu cầu điều kiện theo quy định khác.

\* **Điều kiện về ngành nghề kinh doanh, mục tiêu thực hiện dự án:**

+ Ngành nghề kinh doanh của chi nhánh phải phù hợp với ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp

+ Mục tiêu thực hiện dự án:

• Theo quy định Luật Đầu tư năm 2005:

+ Lĩnh vực đầu tư có điều kiện:

1. Lĩnh vực đầu tư có điều kiện bao gồm:

- a) Lĩnh vực tác động đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;
- b) Lĩnh vực tài chính, ngân hàng;
- c) Lĩnh vực tác động đến sức khỏe cộng đồng;
- d) Văn hóa, thông tin, báo chí, xuất bản;
- đ) Dịch vụ giải trí;
- e) Kinh doanh bất động sản;
- g) Khảo sát, tìm kiếm, thăm dò, khai thác tài nguyên thiên nhiên; môi trường sinh thái;
- h) Phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo;
- i) Một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với nhà đầu tư nước ngoài, ngoài các lĩnh vực quy định trên, các lĩnh vực đầu tư có điều kiện còn bao gồm các lĩnh vực đầu tư theo lộ trình thực hiện cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đầu tư trong các lĩnh vực không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, nhưng trong quá trình hoạt động, lĩnh vực đã đầu tư được bổ sung vào Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì nhà đầu tư vẫn được tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực đó.

4. Nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện đầu tư như nhà đầu tư trong nước trong trường hợp các nhà đầu tư Việt Nam sở hữu từ 51% vốn Điều lệ của doanh nghiệp trở lên.

5. Căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và phù hợp với các cam kết trong điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Chính phủ quy định Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện, các điều kiện liên quan đến việc thành lập tổ chức kinh tế, hình thức đầu tư, mở cửa thị trường trong một số lĩnh vực đối với đầu tư nước ngoài.

+ Lĩnh vực cấm đầu tư:

- 1. Các dự án gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia và lợi ích công cộng.
- 2. Các dự án gây phương hại đến di tích lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.

3. Các dự án gây tổn hại đến sức khỏe nhân dân, làm hủy hoại tài nguyên, phá hủy môi trường.

4. Các dự án xử lý phế thải độc hại đưa từ bên ngoài vào Việt Nam; sản xuất các loại hóa chất độc hại hoặc sử dụng tác nhân độc hại bị cấm theo điều ước quốc tế.

• Theo quy định Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư:

+ Dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư:

1. Các dự án đầu tư không phân biệt nguồn vốn, quy mô đầu tư trong những lĩnh vực sau:

- a) Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không; vận tải hàng không;
- b) Xây dựng và kinh doanh cảng biển quốc gia;
- c) Thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí; thăm dò, khai thác khoáng sản;
- d) Phát thanh, truyền hình;
- đ) Kinh doanh casino;
- e) Sản xuất thuốc lá điếu;
- g) Thành lập cơ sở đào tạo đại học;
- h) Thành lập khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế.

2. Dự án đầu tư không thuộc quy định tại khoản 1 trên, không phân biệt nguồn vốn và có quy mô vốn đầu tư từ 1.500 tỷ đồng Việt Nam trở lên trong những lĩnh vực sau:

- a) Kinh doanh điện; chế biến khoáng sản; luyện kim;
- b) Xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa;
- c) Sản xuất, kinh doanh rượu, bia;

3. Dự án có vốn đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực sau:

- a) Kinh doanh vận tải biển;
- b) Thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát, viễn thông và Internet; thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng;
- c) In ấn, phát hành báo chí; xuất bản;
- d) Thành lập cơ sở nghiên cứu khoa học độc lập.



4. Đối với dự án đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 3 trên nằm trong quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà không phải trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

5. Trường hợp dự án đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 3 trên không nằm trong quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt hoặc dự án không đáp ứng các điều kiện mở cửa thị trường quy định tại điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư chủ trì, lấy ý kiến Bộ quản lý ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh bổ sung quy hoạch hoặc quyết định mở cửa thị trường đầu tư.

6. Trường hợp dự án đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 3 trên thuộc lĩnh vực chưa có quy hoạch, thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư lấy ý kiến Bộ quản lý ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan khác có liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

+ Dự án do Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận đầu tư:

Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (sau đây gọi là Ban Quản lý) thực hiện việc đăng ký đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, bao gồm cả các dự án đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại Điều 37 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

+ Và các điều kiện theo quy định.

**\* Điều kiện về chuyển nhượng vốn:**

+ Bảo đảm các yêu cầu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan;

+ Bảo đảm tỷ lệ và các điều kiện phù hợp với quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

+ Việc chuyển nhượng vốn là giá trị quyền sử dụng đất phải phù hợp với quy định pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

\* **Điều kiện về thời hạn thông báo lập Chi nhánh:** 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định lập chi nhánh.

\* **Điều kiện về người đứng đầu chi nhánh:** Tổ chức, cá nhân sau đây không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

+ Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

+ Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

+ Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

+ Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

+ Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

+ Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

\* Luật Đầu tư năm 2005.

\* Luật Doanh nghiệp năm 2005.

\* Luật Kinh doanh bất động sản năm 2006.

\* Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

\* Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

\* Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

\* Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản.

\* Quyết định số 731/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

\* Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 có tính đến 2020.

\* Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

\* Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

\* Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt đề án chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp - phát triển công nghiệp hiệu quả cao trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực kể từ ngày ký.

\* Quyết định số 30/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2009.

\* **Mẫu Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp gắn liền với thành lập Chi nhánh)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ**

[01] **Kính gửi:**

[02] Nhà đầu tư:

Đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (số, ngày cấp, nơi cấp) với nội dung sau:

(Ghi nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và nội dung đề nghị điều chỉnh nếu có trong các mục dưới đây)

**I. Đăng ký điều chỉnh nội dung hoạt động của Chi nhánh**

[03] 1. Tên Chi nhánh:

[04] 2. Địa chỉ:

[07] 3. Người đứng đầu Chi nhánh:

[08] 4. Ngành, nghề kinh doanh:

**II. Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư**

[11] 1. Tên dự án đầu tư:

[12] 2. Địa điểm thực hiện dự án: ; Diện tích đất dự kiến sử dụng:

[13] 3. Mục tiêu và quy mô của dự án:

[14] 4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:

[15] Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án

[16] 5. Thời hạn hoạt động:

[17] 6. Tiến độ thực hiện dự án:

[18] 7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:

**III. Nhà đầu tư cam kết:**

1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ điều chỉnh;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

[19]

**NHÀ ĐẦU TƯ**

[20] **Hồ sơ kèm theo:**

\* **Mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh**

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ  
CỦA CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

**Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh .....**

1. Tên doanh nghiệp: *(ghi bằng chữ in hoa)* .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: .....

Do: ..... Cấp ngày: ...../...../.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

2. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: *(ghi bằng chữ in hoa)*

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của chi nhánh/  
văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh như sau:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Doanh nghiệp cam kết:**

Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông báo này.

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

Kèm theo thông báo:

- .....

- .....

- .....

## **22. Thủ tục Thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư gắn liền thành lập doanh nghiệp**

- *Trình tự thực hiện:*

\* Bước 1: Doanh nghiệp liên hệ Phòng Quản lý Đầu tư - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh để được hướng dẫn và chuẩn bị thủ tục hồ sơ theo quy định.

\* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, số 35 Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ hai đến thứ sáu, sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ.

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thì phải xuất trình CMND (hoặc hộ chiếu hoặc chứng từ chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định) và văn bản ủy quyền có xác nhận chính quyền địa phương hoặc Công chứng nhà nước.

+ Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầu mục hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ (đầu mục hồ sơ đầy đủ và kê khai đầy đủ theo quy định): lập và giao biên nhận hồ sơ cho chủ đầu tư theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên tiếp nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn lại thủ tục hồ sơ theo quy định.

\* Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đại diện ủy quyền của doanh nghiệp đến Tổ tiếp nhận và trả kết quả để nhận kết quả giải quyết.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

\* Bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư (*theo mẫu*);

\* Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư;

\* Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (*mọi trường hợp tăng vốn đầu tư, trừ trường hợp dự án đầu tư trong nước thuộc diện đăng ký điều chỉnh*);

\* Văn bản chấp thuận việc sử dụng vốn nhà nước để đầu tư (*đối với dự án tăng vốn đầu tư trong đó phần vốn tăng sử dụng vốn nhà nước*);

\* Bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng liên doanh hoặc Hợp đồng hợp tác kinh doanh

*(trường hợp dự án có vốn đầu tư nước ngoài và (hoặc) thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh);*

\* Bản sửa đổi bổ sung Điều lệ doanh nghiệp *(trường hợp dự án có vốn đầu tư nước ngoài và (hoặc) thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh);*

\* Giải trình lý do điều chỉnh;

\* Những thay đổi so với nội dung đã thẩm tra khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư;

\* Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án;

\* Thông báo bổ sung, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh *(theo mẫu)*;

\* Các văn bản kèm theo thông báo: Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần và của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty TNHH một thành viên và quyết định của chủ doanh nghiệp tư nhân;

\* Bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương; Bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác *(trường hợp thay đổi, bổ sung; trường hợp là tổ chức nước ngoài thì bản sao Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ tương đương khác phải có chứng thực của cơ quan nơi tổ chức đó đã đăng ký không quá ba tháng trước ngày nộp hồ sơ)*;

\* Danh sách thành viên đối với công ty TNHH có hai thành viên trở lên/cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần/người đại diện theo ủy quyền đối với công ty TNHH một thành viên có hai người ủy quyền trở lên/thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh *(trường hợp có sự thay đổi, bổ sung và áp dụng theo mẫu)*;

\* Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của Giám đốc (Tổng giám đốc) và các chức danh quản lý doanh nghiệp *(trường hợp bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề)*;

\* Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan có thẩm quyền *(nếu trường hợp bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định, trừ trường hợp vốn chủ sở hữu được ghi trong bảng tổng kết tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất lớn hơn hoặc bằng vốn pháp định theo quy định)*;

\* Báo cáo tài chính của công ty tại kỳ gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ (Đối với trường hợp giảm vốn điều lệ, doanh nghiệp phải cam kết bảo

đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn). Đối với công ty có phần vốn sở hữu nước ngoài chiếm trên 50%, báo cáo tài chính phải được xác nhận của kiểm toán độc lập. (*trường hợp thay đổi vốn điều lệ*);

\* Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới vào công ty (đối với trường hợp thay đổi thành viên Công ty TNHH có hai thành viên trở lên do tiếp nhận thành viên mới);

\* Hợp đồng chuyển nhượng và các giấy tờ chứng thực đã hoàn tất việc chuyển nhượng có xác nhận của công ty (trường hợp thay đổi thành viên do chuyển nhượng phần vốn góp);

\* Bản sao hợp lệ bản án, quyết định tòa án đã có hiệu lực pháp luật (khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo quyết định của Tòa án);

\* Các thủ tục hồ sơ khác quy định tại các luật có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ (01 bộ gốc, 03 bộ copy).

- *Thời hạn giải quyết*: 30 ngày làm việc.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Tổ chức.

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): các Bộ, Sở, ban, ngành có liên quan.

- *Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính*: Giấy chứng nhận đầu tư.

- *Lệ phí (nếu có)*: không có.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:

\* Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp gắn liền với thành lập doanh nghiệp (Phụ lục I-6, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

\* Danh sách thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên



(Phụ lục I-8, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

\* Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (Phụ lục I-9, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

\* Danh sách thành viên sáng lập công ty hợp danh (Phụ lục I-10, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

\* Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục II-1, Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh);

\* Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (Phụ lục II-2, Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh);

\* Danh sách thành viên công ty hợp danh (Phụ lục II-3, Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh);

\* Danh sách người đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH một thành viên (đối với chủ sở hữu là tổ chức) (Phụ lục II-4, Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh);

\* Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp (Phụ lục III-5, Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh);

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

**\* Điều kiện về thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư**

+ Dự án đầu tư thuộc diện thẩm tra điều chỉnh gồm các dự án mà sau khi điều chỉnh về mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn, hình thức, thời hạn, dự án đó thuộc các trường hợp sau: dự án có vốn đầu tư nước ngoài sau khi điều chỉnh thuộc diện thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư; dự án đầu tư trong nước mà sau khi điều chỉnh, dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

+ Trường hợp dự án đầu tư sau khi điều chỉnh trở thành dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với lĩnh vực đầu tư chưa có trong quy hoạch hoặc chưa có điều kiện đầu tư được pháp luật quy định, thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ quyết định trước khi điều chỉnh, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đầu tư.

**\* Điều kiện về tên doanh nghiệp:**

• Theo quy định Luật Doanh nghiệp 2005:

+ Tên doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phải phát âm được và có ít nhất hai thành tố sau đây:

a) Loại hình doanh nghiệp;

b) Tên riêng.

2. Tên doanh nghiệp phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

3. Căn cứ vào quy định tại Điều này và các điều 32, 33 và 34 của Luật này, cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp. Quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng.

+ Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:

1. Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

2. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

3. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

+ Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên bằng tiếng Việt sang tiếng nước ngoài tương ứng. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

2. Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp tại cơ sở của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

3. Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên bằng tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

+ Tên trùng và tên gây nhầm lẫn:

1. Tên trùng là tên của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

2. Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

a) Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

b) Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên doanh nghiệp đã đăng ký bởi ký hiệu “&”;

c) Tên viết tắt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

d) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;

đ) Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái tiếng Việt ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký;

e) Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;

g) Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bằng các từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc các từ có ý nghĩa tương tự, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký.

• Theo quy định Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh:

+ Tên doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phát âm được và phải có hai thành tố sau đây:

a) Thành tố thứ nhất: Loại hình doanh nghiệp, bao gồm: công ty trách nhiệm hữu hạn, cụm từ trách nhiệm hữu hạn có thể viết tắt là TNHH; công ty cổ phần, từ cổ phần có thể viết tắt là CP; công ty hợp danh, từ hợp danh có thể viết tắt là HD; doanh nghiệp tư nhân, từ tư nhân có thể viết tắt là TN;

b) Thành tố thứ hai: Tên riêng của doanh nghiệp;

Riêng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể sử dụng tên riêng bằng tiếng nước ngoài đã đăng ký để cấu thành một phần hoặc toàn bộ tên riêng của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp có thể sử dụng ngành, nghề kinh doanh, hình thức đầu tư hay yếu tố phụ trợ khác để cấu thành tên riêng của doanh nghiệp nếu doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh ngành, nghề đó hoặc thực hiện đầu tư theo hình thức đó. Khi không còn kinh doanh ngành, nghề hoặc thực hiện hình thức đầu tư đã dùng để cấu thành tên riêng của doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải đăng ký đổi tên.

3. Nếu tên riêng của doanh nghiệp sử dụng các thành tố có tính chất mô tả xuất xứ, chất lượng hàng hóa, dịch vụ thì phải được cơ quan quản lý nhà nước xác nhận.

+ Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:

1. Không được đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp khác đã đăng ký trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Quy định này không bao gồm doanh nghiệp đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Không được sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

3. Không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc, tên danh nhân để đặt tên riêng cho doanh nghiệp.

4. Không được sử dụng tên thương mại của tổ chức, cá nhân khác đã đăng ký bảo hộ để cấu thành tên riêng của doanh nghiệp trừ trường hợp được sự chấp thuận của chủ sở hữu tên thương mại đó. Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm quy định này. Trường hợp tên của doanh nghiệp vi phạm các quy định của pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại thì doanh nghiệp có tên vi phạm phải đăng ký đổi tên.

+ Tên trùng và tên gây nhầm lẫn:

1. Tên trùng là trường hợp tên của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

2. Các trường hợp sau đây được coi là gây nhầm lẫn với tên của các doanh nghiệp khác:

a) Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

b) Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên doanh nghiệp đã đăng ký bởi ký hiệu “&”; ký hiệu “-” ; chữ “và”;

c) Tên viết tắt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp khác đã đăng ký;

d) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp khác đã đăng ký;

đ) Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi một hoặc một số các số tự nhiên, số thứ tự hoặc một hoặc một số chữ cái tiếng Việt (A, B, C,...) ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là doanh nghiệp con của doanh nghiệp đã đăng ký;

e) Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước, hoặc “mới” ngay sau tên của doanh nghiệp đã đăng ký;

g) Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi các từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”,

“miền Đông” hoặc các từ có ý nghĩa tương tự; trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là doanh nghiệp con của doanh nghiệp đã đăng ký;

h) Tên riêng của doanh nghiệp trùng với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký.

+ Các vấn đề khác liên quan đến đặt tên doanh nghiệp:

1. Các doanh nghiệp đăng ký trước khi Nghị định này có hiệu lực có tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên doanh nghiệp khác theo quy định tại Điều 12 Nghị định này không bị buộc phải đăng ký đổi tên. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có tên trùng và tên gây nhầm lẫn tự thương lượng với nhau để đăng ký đổi tên doanh nghiệp.

2. Căn cứ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Luật Doanh nghiệp và quy định tại Chương này, cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp và quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng.

3. Trước khi đăng ký đặt tên doanh nghiệp, doanh nghiệp tham khảo tên các công ty đang hoạt động lưu giữ tại Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở chính.

**\* Điều kiện về trụ sở chính doanh nghiệp và địa điểm thực hiện dự án:**

+ Trụ sở chính của doanh nghiệp là địa điểm liên lạc, giao dịch của doanh nghiệp; phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

+ Doanh nghiệp phải thông báo thời gian mở cửa tại trụ sở chính với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Và các điều kiện khác theo quy định.

**\* Điều kiện về ngành nghề kinh doanh và mục tiêu thực hiện dự án:**

• Theo quy định Luật Doanh nghiệp 2005:

Ngành, nghề và điều kiện kinh doanh:

1. Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có quyền kinh doanh các ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

2. Đối với ngành, nghề mà pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan quy

định phải có điều kiện thì doanh nghiệp chỉ được kinh doanh ngành, nghề đó khi có đủ điều kiện theo quy định.

Điều kiện kinh doanh là yêu cầu mà doanh nghiệp phải có hoặc phải thực hiện khi kinh doanh ngành, nghề cụ thể, được thể hiện bằng giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, yêu cầu về vốn pháp định hoặc yêu cầu khác.

3. Cấm hoạt động kinh doanh gây phương hại đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam và sức khỏe của nhân dân, làm huỷ hoại tài nguyên, phá huỷ môi trường.

Chính phủ quy định cụ thể danh mục ngành, nghề kinh doanh bị cấm.

4. Chính phủ định kỳ rà soát, đánh giá lại toàn bộ hoặc một phần các điều kiện kinh doanh; bãi bỏ hoặc kiến nghị bãi bỏ các điều kiện không còn phù hợp; sửa đổi hoặc kiến nghị sửa đổi các điều kiện bất hợp lý; ban hành hoặc kiến nghị ban hành điều kiện kinh doanh mới theo yêu cầu quản lý nhà nước.

5. Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp không được quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh.

• Theo quy định Nghị định số 88/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29 tháng 8 năm 2006 về đăng ký kinh doanh:

Ngành, nghề kinh doanh:

1. Ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo Hệ thống ngành kinh tế quốc dân, trừ những ngành, nghề cấm kinh doanh.

2. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

3. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi ngành, nghề kinh doanh đó vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê để bổ sung mã mới.

4. Đối với ngành, nghề kinh doanh quy định phải có chứng chỉ hành nghề, mỗi cá nhân chỉ được sử dụng chứng chỉ hành nghề để đăng ký kinh doanh ở một doanh nghiệp.

5. Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại các Luật, Pháp lệnh hoặc Nghị định của Chính phủ. Nghiêm cấm việc ban hành và quy định không đúng thẩm quyền về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

• Theo quy định Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp:

+ Ngành, nghề cấm kinh doanh:

1. Danh mục ngành, nghề cấm kinh doanh gồm:

a) Kinh doanh vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; quân trang (bao gồm cả phù hiệu, cấp hiệu, quân hiệu của quân đội, công an), quân dụng cho lực lượng vũ trang; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng;

b) Kinh doanh chất ma túy các loại;

c) Kinh doanh hóa chất bảng 1 (theo Công ước quốc tế);

d) Kinh doanh các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách;

đ) Kinh doanh các loại pháo;

e) Kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội;

g) Kinh doanh các loại thực vật, động vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc Danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng;

h) Kinh doanh mại dâm, tổ chức mại dâm, buôn bán phụ nữ, trẻ em;

i) Kinh doanh dịch vụ tổ chức đánh bạc, gá bạc dưới mọi hình thức;

k) Kinh doanh dịch vụ điều tra bí mật xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân;

l) Kinh doanh dịch vụ môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài;

m) Kinh doanh dịch vụ môi giới nhận cha, mẹ, con nuôi, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài;

n) Kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường;



o) Kinh doanh các loại sản phẩm, hàng hóa và thiết bị cấm lưu hành, cấm sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành và/hoặc sử dụng tại Việt Nam;

p) Các ngành, nghề cấm kinh doanh khác được quy định tại các luật, pháp lệnh và nghị định chuyên ngành.

2. Việc kinh doanh các ngành, nghề quy định tại khoản 1 Điều này trong một số trường hợp đặc biệt áp dụng theo quy định của các luật, pháp lệnh hoặc nghị định chuyên ngành liên quan.

+ Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh:

1. Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh áp dụng theo các quy định của các luật, pháp lệnh, nghị định chuyên ngành hoặc quyết định có liên quan của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi chung là pháp luật chuyên ngành).

2. Điều kiện kinh doanh được thể hiện dưới các hình thức:

a) Giấy phép kinh doanh;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

c) Chứng chỉ hành nghề;

d) Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;

đ) Xác nhận vốn pháp định;

e) Chấp thuận khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Các yêu cầu khác mà doanh nghiệp phải thực hiện hoặc phải có mới được quyền kinh doanh ngành nghề đó mà không cần xác nhận, chấp thuận dưới bất kỳ hình thức nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Các quy định về loại ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề đó tại các văn bản quy phạm pháp luật khác ngoài các loại văn bản quy phạm pháp luật nói tại khoản 1 Điều này đều hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008.

+ Ngành, nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề:

1. Chứng chỉ hành nghề nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Doanh nghiệp là văn bản mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc hiệp hội nghề nghiệp được Nhà nước Ủy quyền cấp cho cá nhân có đủ trình độ chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp về một ngành, nghề nhất định.

Chứng chỉ hành nghề được cấp ở nước ngoài không có hiệu lực thi hành tại Việt

Nam, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành hoặc Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2. Ngành, nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề và điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề tương ứng áp dụng theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

3. Đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật thì việc đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh đó phải thực hiện theo quy định dưới đây:

a) Đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật yêu cầu Giám đốc doanh nghiệp hoặc người đứng đầu cơ sở kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề thì Giám đốc của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu cơ sở kinh doanh đó phải có chứng chỉ hành nghề.

b) Đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật yêu cầu Giám đốc và người khác phải có chứng chỉ hành nghề thì Giám đốc của doanh nghiệp đó và ít nhất một cán bộ chuyên môn theo quy định của pháp luật chuyên ngành đó phải có chứng chỉ hành nghề.

c) Đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật không yêu cầu Giám đốc hoặc người đứng đầu cơ sở kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề thì ít nhất một cán bộ chuyên môn theo quy định của pháp luật chuyên ngành đó phải có chứng chỉ hành nghề.

+ Ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định:

1. Ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định, mức vốn pháp định cụ thể, cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về vốn pháp định, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận vốn pháp định, hồ sơ, điều kiện và cách thức xác nhận vốn pháp định áp dụng theo các quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và Giám đốc/Tổng giám đốc (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn), Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc/Tổng giám đốc (đối với công ty cổ phần), tất cả các thành viên hợp danh (đối với công ty hợp danh) và chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân (đối với doanh nghiệp tư nhân) phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của số vốn được xác nhận là vốn pháp định khi thành lập doanh nghiệp. Doanh nghiệp có nghĩa vụ bảo đảm mức vốn điều lệ thực tế không thấp hơn mức vốn pháp định đã được xác nhận trong cả quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Đối với doanh nghiệp đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký bổ sung ngành, nghề phải có vốn pháp định thì việc đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh phải có thêm xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận vốn pháp định, trừ trường hợp vốn chủ sở hữu được ghi trong bảng tổng kết tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất lớn hơn hoặc bằng vốn pháp định theo quy định.

4. Người trực tiếp xác nhận vốn pháp định cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số vốn tại thời điểm xác nhận.

• Theo quy định Luật Đầu tư năm 2005:

+ Lĩnh vực đầu tư có điều kiện:

1. Lĩnh vực đầu tư có điều kiện bao gồm:

- a) Lĩnh vực tác động đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;
- b) Lĩnh vực tài chính, ngân hàng;
- c) Lĩnh vực tác động đến sức khỏe cộng đồng;
- d) Văn hóa, thông tin, báo chí, xuất bản;
- đ) Dịch vụ giải trí;
- e) Kinh doanh bất động sản;
- g) Khảo sát, tìm kiếm, thăm dò, khai thác tài nguyên thiên nhiên; môi trường sinh thái;
- h) Phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo;
- i) Một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với nhà đầu tư nước ngoài, ngoài các lĩnh vực quy định trên, các lĩnh vực đầu tư có điều kiện còn bao gồm các lĩnh vực đầu tư theo lộ trình thực hiện cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đầu tư trong các lĩnh vực không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, nhưng trong quá trình hoạt động, lĩnh vực đã đầu tư được bổ sung vào Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì nhà đầu tư vẫn được tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực đó.

4. Nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện đầu tư như nhà đầu tư trong nước trong trường hợp các nhà đầu tư Việt Nam sở hữu từ 51% vốn Điều lệ của doanh nghiệp trở lên.

5. Căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và phù hợp với các cam kết trong điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Chính phủ quy định Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện, các điều kiện liên quan đến việc thành lập tổ chức kinh tế, hình thức đầu tư, mở cửa thị trường trong một số lĩnh vực đối với đầu tư nước ngoài.

+ Lĩnh vực cấm đầu tư:

1. Các dự án gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia và lợi ích công cộng.

2. Các dự án gây phương hại đến di tích lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.

3. Các dự án gây tổn hại đến sức khỏe nhân dân, làm hủy hoại tài nguyên, phá hủy môi trường.

4. Các dự án xử lý phế thải độc hại đưa từ bên ngoài vào Việt Nam; sản xuất các loại hóa chất độc hại hoặc sử dụng tác nhân độc hại bị cấm theo điều ước quốc tế.

• Theo quy định Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư:

+ Dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư:

1. Các dự án đầu tư không phân biệt nguồn vốn, quy mô đầu tư trong những lĩnh vực sau:

- a) Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không; vận tải hàng không;
- b) Xây dựng và kinh doanh cảng biển quốc gia;
- c) Thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí; thăm dò, khai thác khoáng sản;
- d) Phát thanh, truyền hình;
- đ) Kinh doanh casino;
- e) Sản xuất thuốc lá điếu;
- g) Thành lập cơ sở đào tạo đại học;
- h) Thành lập khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế.

2. Dự án đầu tư không thuộc quy định tại khoản 1 trên, không phân biệt nguồn vốn và có quy mô vốn đầu tư từ 1.500 tỷ đồng Việt Nam trở lên trong những lĩnh vực sau:

- a) Kinh doanh điện; chế biến khoáng sản; luyện kim;

b) Xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa;

c) Sản xuất, kinh doanh rượu, bia;

3. Dự án có vốn đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực sau:

a) Kinh doanh vận tải biển;

b) Thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát, viễn thông và Internet; thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng;

c) In ấn, phát hành báo chí; xuất bản;

d) Thành lập cơ sở nghiên cứu khoa học độc lập.

4. Đối với dự án đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 3 trên nằm trong quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà không phải trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

5. Trường hợp dự án đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 3 trên không nằm trong quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt hoặc dự án không đáp ứng các điều kiện mở cửa thị trường quy định tại điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư chủ trì, lấy ý kiến Bộ quản lý ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh bổ sung quy hoạch hoặc quyết định mở cửa thị trường đầu tư.

6. Trường hợp dự án đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 3 trên thuộc lĩnh vực chưa có quy hoạch, thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư lấy ý kiến Bộ quản lý ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan khác có liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

+ Dự án do Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận đầu tư:

Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (sau đây gọi là Ban Quản lý) thực hiện việc đăng ký đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, bao gồm cả các dự án đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại Điều 37 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

+ Và các điều kiện theo quy định.

**\* Điều kiện về thành viên:**

• Theo quy định Luật Doanh nghiệp năm 2005:

Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp:

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

2. Tổ chức, cá nhân sau đây không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

b) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

d) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

đ) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

e) Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

3. Tổ chức, cá nhân có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

4. Tổ chức, cá nhân sau đây không được mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

b) Các đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

• Theo quy định Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh:

Các giấy tờ chứng thực cá nhân trong hồ sơ đăng ký kinh doanh:

1. Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam ở trong nước.

2. Một trong số các giấy tờ còn hiệu lực đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài sau đây:

a) Hộ chiếu Việt Nam;

b) Hộ chiếu nước ngoài (hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài) và một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau:

✓ Giấy chứng nhận có quốc tịch Việt Nam;

✓ Giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam;

✓ Giấy xác nhận đăng ký công dân;

✓ Giấy xác nhận gốc Việt Nam;

✓ Giấy xác nhận có gốc Việt Nam;

✓ Giấy xác nhận có quan hệ huyết thống Việt Nam;

✓ Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật.

3. Thẻ thường trú do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp và Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam.

4. Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam.

• Theo quy định Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

+ Quyền góp vốn, mua cổ phần:

1. Tất cả các tổ chức là pháp nhân, gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, không phân biệt nơi đăng ký trụ sở chính và mọi cá nhân, không phân biệt quốc tịch và nơi cư trú, nếu không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp, đều có quyền góp vốn, mua cổ phần với mức không hạn chế tại doanh nghiệp theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp, trừ các trường hợp dưới đây:

a) Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại các công ty niêm yết thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

b) Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong các trường hợp đặc thù áp dụng quy định của các luật nói tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này và các quy định pháp luật chuyên ngành khác có liên quan;

c) Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước cổ phần hóa hoặc chuyển đổi sở hữu theo hình thức khác thực hiện theo pháp luật về cổ phần hóa và chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

d) Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ áp dụng theo Biểu cam kết cụ thể về thương mại dịch vụ (Phụ lục Nghị định thư gia nhập WTO của Việt Nam).

2. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc nhận chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên hoặc của chủ sở hữu công ty theo quy định về góp vốn hoặc chuyển nhượng phần vốn góp; và đăng ký thay đổi thành viên theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 88/2006/NĐ-CP.

Việc đăng ký thay đổi thành viên đối với công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện tại cơ quan nhà nước quản lý đầu tư có thẩm quyền.

Việc đăng ký thay đổi thành viên trong trường hợp khác thực hiện tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

3. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần mới phát hành, nhận chuyển nhượng cổ phần theo quy định về mua cổ phần, chuyển nhượng cổ phần và thực hiện đăng ký cổ đông, hoặc đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp nhận vốn góp cổ phần của cổ đông sáng lập quy định tại khoản 3 Điều 84 hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Doanh nghiệp, thì còn phải đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập theo quy định của Nghị định số 88/2006/NĐ-CP tại cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan nhà nước quản lý đầu tư có thẩm quyền.

+ Cấm cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước để góp vốn, mua cổ phần và thành lập doanh nghiệp để thu lợi riêng:

1. Nghiêm cấm cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân sử



dụng tài sản của Nhà nước và công quỹ để thành lập doanh nghiệp, góp vốn và mua cổ phần của doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình.

2. Tài sản của Nhà nước và công quỹ quy định tại Điều này bao gồm:

a) Tài sản được mua sắm bằng vốn ngân sách nhà nước và vốn có nguồn gốc ngân sách nhà nước;

b) Kinh phí được cấp từ ngân sách nhà nước;

c) Đất được giao sử dụng để thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

d) Tài sản và thu nhập khác được tạo ra từ việc sử dụng các tài sản và kinh phí nói trên.

3. Thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình là việc sử dụng thu nhập dưới mọi hình thức có được từ hoạt động kinh doanh, từ góp vốn, mua cổ phần vào ít nhất một trong các mục đích sau đây:

a) Chia dưới mọi hình thức cho một số hoặc tất cả cán bộ, nhân viên của cơ quan, đơn vị;

b) Bổ sung vào ngân sách hoạt động của cơ quan, đơn vị trái với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Lập quỹ hoặc bổ sung vào quỹ phục vụ lợi ích riêng của cơ quan, đơn vị.

+ Hướng dẫn bổ sung về một số quyền và nghĩa vụ của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn:

1. Trường hợp cá nhân là thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn bị tạm giữ, tạm giam, bị kết án tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật, thì thành viên đó ủy quyền cho người khác tham gia Hội đồng thành viên quản lý công ty.

2. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên, nếu có thành viên là cá nhân làm người đại diện theo pháp luật của công ty bị tạm giữ, tạm giam, trốn khỏi nơi cư trú, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật thì thành viên còn lại đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên.

3. Trường hợp công ty không mua lại phần vốn góp, không thanh toán được phần vốn góp được mua lại hoặc không thỏa thuận được về giá mua lại phần vốn góp như quy định tại Điều 43 của Luật Doanh nghiệp thì thành viên yêu cầu công ty mua lại có quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho người khác. Trong trường hợp này, việc chuyển nhượng không bắt buộc phải thực hiện theo quy định tại Điều 44 của Luật Doanh nghiệp.

4. Thành viên chưa góp hoặc đã góp vốn nhưng chưa góp đủ và đúng hạn số vốn như đã cam kết thì phải trả lãi cao nhất của các ngân hàng thương mại cho đến khi nộp đủ số vốn đã cam kết góp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác hoặc các thành viên có thỏa thuận khác.

+ Hướng dẫn bổ sung về Giám đốc (Tổng giám đốc) và thành viên Hội đồng quản trị:

1. Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;

b) Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 5% số cổ phần phổ thông (đối với công ty cổ phần), thành viên là cá nhân sở hữu ít nhất 10% vốn điều lệ (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn) hoặc người khác thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của công ty.

Trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn và điều kiện khác với tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm này, thì áp dụng tiêu chuẩn và điều kiện do Điều lệ công ty quy định;

c) Đối với công ty con của công ty có phần vốn góp, cổ phần của Nhà nước chiếm hơn 50% vốn điều lệ, thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại các điểm a và b khoản này, Giám đốc (Tổng giám đốc) của công ty con không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi hoặc anh, chị, em ruột của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty con đó.

2. Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là tổ chức phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế tương ứng trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Trường hợp chủ sở hữu công ty là cơ quan nhà nước hoặc doanh nghiệp có hơn 50% sở hữu nhà nước thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại các điểm a và b khoản này, Giám đốc (Tổng giám đốc) không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi hoặc anh, chị, em ruột của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan nhà nước và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty đó.

3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;

b) Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông; hoặc cổ đông sở hữu ít hơn 5% tổng số cổ phần, người không phải là cổ đông thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của công ty.

Trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn và điều kiện khác với tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm này, thì áp dụng tiêu chuẩn và điều kiện do Điều lệ công ty quy định;

4. Nếu Điều lệ công ty không quy định khác thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc/Tổng giám đốc của công ty đó có thể kiêm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc/Tổng giám đốc (trừ Giám đốc/Tổng giám đốc công ty cổ phần) của công ty khác.

5. Trường hợp cá nhân người nước ngoài được giao làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, thì người đó phải ở Việt Nam trong suốt thời hạn của nhiệm kỳ và phải đăng ký tạm trú theo quy định của pháp luật. Trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam trong thời hạn quá 30 ngày liên tục thì phải:

a) Ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều lệ công ty để người đó thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

b) Gửi Văn bản ủy quyền đó đến Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban Quản lý khu

công nghiệp, Ban Quản lý khu kinh tế nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở chính để biết ít nhất 2 ngày trước khi xuất cảnh.

**\* Điều kiện về chuyển nhượng vốn:**

+ Bảo đảm các yêu cầu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan;

+ Bảo đảm tỷ lệ và các điều kiện phù hợp với quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

+ Việc chuyển nhượng vốn là giá trị quyền sử dụng đất phải phù hợp với quy định pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

**\* Điều kiện về thời hạn thông báo thay đổi:**

+ Ngành nghề kinh doanh: 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh;

+ Địa chỉ trụ sở chính: 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định chuyển địa chỉ trụ sở chính;

+ Tên doanh nghiệp: 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định đổi tên;

+ Thành viên Hợp danh, cổ đông sáng lập công ty Cổ phần, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi;

+ Người đại diện theo pháp luật: 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi ;

+ Thay đổi vốn điều lệ công ty: 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định tăng, giảm vốn điều lệ hoặc thay đổi tỷ lệ vốn góp;

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

\* Luật Đầu tư năm 2005.

\* Luật Doanh nghiệp năm 2005.

\* Luật Thương mại năm 2005.

\* Luật Kinh doanh bất động sản năm 2006.

\* Nghị quyết của Quốc hội số 71/2006/NQ-QH ngày 29 tháng 11 năm 2006 phê chuẩn Nghị định thư gia nhập Hiệp định thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

\* Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

\* Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

\* Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

\* Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

\* Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

\* Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

\* Nghị định số 140/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về điều kiện kinh doanh dịch vụ lô-gi-stíc và giới hạn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ lô-gi-stíc.

\* Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản.

\* Quyết định số 731/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

\* Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 có tính đến 2020.

\* Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

+ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

\* Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy định nội dung Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

\* Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21 tháng 5 năm 2007 của Bộ Thương mại về Công bố Lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

\* Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

\* Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

\* Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17 tháng 7 năm 2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn thi hành quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

\* Thông tư số 05/2008/TT-BCT ngày 14 tháng 4 năm 2008 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17 tháng 7 năm 2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

\* Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt đề án chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp - phát triển công nghiệp hiệu quả cao trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực kể từ ngày ký.

\* Quyết định số 30/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2009.

**\* Mẫu Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp gắn liền với thành lập doanh nghiệp)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ**

[01] **Kính gửi:**

[02] Nhà đầu tư:

Đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (*số, ngày cấp, nơi cấp*) với nội dung sau:

*(Ghi nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và nội dung đề nghị điều chỉnh nếu có trong các mục dưới đây)*

**I. Đăng ký điều chỉnh nội dung kinh doanh**

[03] 1. Tên doanh nghiệp:

[04] 2. Địa chỉ trụ sở chính:

[05] Chi nhánh/Văn phòng đại diện (*nếu có*):

[06] 3. Loại hình doanh nghiệp:

[07] 4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

[08] 5. Ngành, nghề kinh doanh:

[09] 6. Vốn của doanh nghiệp:

[10] 7. Vốn pháp định:

**II. Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư**

[11] 1. Tên dự án đầu tư:

[12] 2. Địa điểm thực hiện dự án: ; Diện tích đất dự kiến sử dụng:

[13] 3. Mục tiêu và quy mô của dự án:

[14] 4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:

[15] Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án

[16] **5.** Thời hạn hoạt động:

[17] **6.** Tiến độ thực hiện dự án:

[18] **7.** Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:

**III. Nhà đầu tư cam kết:**

1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ điều chỉnh;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

[19]

**NHÀ ĐẦU TƯ**

[20] **Hồ sơ kèm theo:**



**\* Mẫu Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐỐI VỚI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
CÓ TỪ HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Số TT	Tên thành viên sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
				Tổng giá trị vốn góp	Phương thức góp vốn	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

Cột (2) Thành viên là cá nhân: Họ và tên/ngày sinh/Giới tính/Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Thành viên là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Đối với thành viên là tổ chức: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

## \* Mẫu Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP ĐỐI VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN

Số TT	Tên Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp						Thời điểm góp vốn	Chữ ký của cổ đông sáng lập
				Tổng số cổ phần		Loại cổ phần					
						Phổ thông		.....			
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

Cột (2) Cổ đông sáng lập là cá nhân: Họ và tên/ngày sinh/Giới tính/Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Cổ đông sáng lập là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Cổ đông sáng lập là pháp nhân: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với cổ đông sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với cổ đông sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

**\* Mẫu Danh sách thành viên sáng lập công ty hợp danh**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN SÁNG LẬP ĐỐI VỚI CÔNG TY HỢP DANH**

Số TT	Tên thành viên	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Nghề nghiệp, trình độ chuyên môn của thành viên hợp danh	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
					Tổng giá trị vốn góp	Phần vốn góp	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

Cột (2) Thành viên là cá nhân: Họ và tên/ngày sinh/Giới tính/Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Thành viên là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Đối với thành viên là tổ chức: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

\* Mẫu Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÓ HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, Cơ quan cấp CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân, hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD đối với doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức khác	Vốn góp			Thời điểm góp vốn	Chữ ký của thành viên
									Phần vốn góp	Sở hữu vốn (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của công ty**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

Cột 10 ghi tổng giá trị vốn góp của từng thành viên.

## \* Mẫu Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

T T	Tên cổ đông sáng lập	Ngày tháng năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân, hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD đối với doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức khác	Vốn góp										Chữ ký của cổ đông sáng lập
									Tổng số cổ phần		Sở hữu vốn	Loại cổ phần						Thời điểm góp vốn	
												Phổ thông		.....		.....			
									Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Đại diện theo pháp luật của công ty

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

Cột 11 ghi tổng giá trị vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập.

Tài sản hình thành tổng giá trị góp vốn cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản

## \* Mẫu Danh sách thành viên công ty hợp danh

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân, hoặc Giấy CN ĐKKD đối với doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức khác	Nghề nghiệp, trình độ chuyên môn của thành viên hợp danh	Vốn góp				Chữ ký của thành viên	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn góp	Sở hữu vốn	Phần vốn góp	Thời điểm góp vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	A. Thành viên hợp danh														
	B. Thành viên góp vốn (nếu có)														

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của công ty**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

Cột 11 ghi tổng giá trị vốn góp của từng thành viên.

Tài sản hình thành tổng giá trị vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

**\* Mẫu Danh sách người đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH một thành viên**

**DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN (đối với chủ sở hữu là tổ chức)**

TT	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp CMND hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn góp		Chữ ký	Ghi chú
									Tổng giá trị vốn được đại diện	Thời điểm đại diện phân vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của công ty**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú: Tài sản hình thành tổng giá trị vốn góp được quyền đại diện của từng cá nhân cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản

\* **Mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**  
**CỦA DOANH NGHIỆP**  
(Thay đổi lần thứ .....)

**Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh .....**

1. Tên doanh nghiệp: *(ghi bằng chữ in hoa)*.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: .....

Do: ..... Cấp ngày: .../.../.....

Vốn điều lệ (vốn đầu tư): .....

Ngành, nghề đăng ký kinh doanh:

STT	Mã ngành	Tên ngành

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

2. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: *(ghi bằng chữ in hoa)*

..... Nam/Nữ .....

Sinh ngày: .../.../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Chứng minh nhân dân số: .....

Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp: .....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu có)*: .....

Số giấy chứng thực cá nhân: ..... Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

**Đăng ký thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký kinh doanh như sau:**



1. Ngành, nghề đăng ký bổ sung hoặc thay đổi: (đối với trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh)

STT	Mã ngành	Tên ngành

2. Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến: (đối với trường hợp đăng ký thay đổi trụ sở chính)

.....  
 .....

3. Tên doanh nghiệp dự kiến thay đổi (đối với trường hợp đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp)

.....  
 .....

4. Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh/Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần

(Đối với đăng ký thay đổi thành viên hợp danh, ghi: Họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, nơi cư trú của thành viên hợp danh mới; của thành viên hợp danh bị khai trừ hoặc tự nguyện rút khỏi công ty;

Đối với đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần ghi: Họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, chức danh, nơi cư trú của người thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty).

.....  
 .....

5. Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân/Đăng ký thay đổi vốn điều lệ công ty (đối với trường hợp đăng ký thay đổi vốn đầu tư, vốn điều lệ)

(Đối với thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân, ghi: Mức vốn đăng ký thay đổi, phương thức và thời điểm thay đổi vốn đầu tư

Đối với thay đổi vốn điều lệ của công ty, ghi: Tên, địa chỉ, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp hoặc số quyết định thành lập, số đăng ký kinh doanh của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, của chủ sở hữu và người được ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần; Tỷ lệ phần vốn góp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên hoặc của mỗi cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần, tỷ lệ sở hữu được ủy quyền của từng đại diện ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo mô hình Hội đồng thành viên; vốn điều lệ dự định tăng thêm hoặc giảm xuống; thời điểm góp thêm vốn hoặc thời điểm hoàn trả lại vốn và phương thức hoàn trả).

6. Đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập công ty cổ phần/Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (*đối với trường hợp đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn*)

*(Đối với đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập công ty cổ phần, ghi: Tên, trụ sở chính hoặc họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, quốc tịch, phần vốn góp của cổ đông sáng lập không thực hiện cam kết góp vốn; Tên, trụ sở chính hoặc họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (nếu có) hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, quốc tịch, chữ ký và phần vốn góp sau khi góp bù của các cổ đông sáng lập còn lại đối với trường hợp các cổ đông sáng lập còn lại nhận góp bù cho đủ vốn; Tên, trụ sở chính hoặc họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (nếu có) hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, quốc tịch, chữ ký và phần vốn góp sau khi góp bù của người nhận góp bù đối với trường hợp người nhận góp bù không phải là cổ đông sáng lập*

*Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, ghi: Tên, trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức, họ tên, quốc tịch, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; giá trị vốn góp và phần vốn góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng và giá trị của từng loại tài sản góp vốn của các thành viên mới; Phần vốn góp đã thay đổi tương ứng đối với thành viên hiện có sau khi tiếp nhận thêm thành viên mới; trường hợp thay đổi thành viên do thừa kế: ghi Họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, quốc tịch, phần vốn góp của thành viên để lại thừa kế; Họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, quốc tịch, chữ ký và phần vốn góp của từng người nhận thừa kế; Thời điểm thừa kế)*

7. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động theo quyết định của Tòa án (*đối với trường hợp đăng ký thay đổi theo quyết định của Tòa án*)

Tên Tòa án:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Bản án/quyết định số:.....

Nội dung đăng ký thay đổi, bổ sung:

.....  
 .....  
 .....

Doanh nghiệp cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông báo này.

....., ngày ... tháng ... năm .....

Kèm theo thông báo:

- .....

- .....

- .....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP/CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG  
THÀNH VIÊN/CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY/CHỦ TỊCH  
CÔNG TY/CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ\***

*(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

*\*Ghi chú: Người ký trong Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh trong từng trường hợp cụ thể thực hiện theo quy định tại Chương V Nghị định số 88/2006/NĐ-CP*

### **23. Thủ tục Thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư không gắn liền với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh**

- *Trình tự thực hiện:*

\* Bước 1: Doanh nghiệp liên hệ Phòng Quản lý Đầu tư - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh để được hướng dẫn và chuẩn bị thủ tục hồ sơ theo quy định.

\* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, số 35 Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ hai đến thứ sáu, sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ.

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thì phải xuất trình CMND (hoặc hộ chiếu hoặc chứng từ chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định) và văn bản ủy quyền có xác nhận chính quyền địa phương hoặc Công chứng nhà nước.

+ Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầu mục hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ (đầu mục hồ sơ đầy đủ và kê khai đầy đủ theo quy định): lập và giao biên nhận hồ sơ cho chủ đầu tư theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên tiếp nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn lại thủ tục hồ sơ theo quy định.

\* Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đại diện ủy quyền của doanh nghiệp đến Tổ tiếp nhận và trả kết quả để nhận kết quả giải quyết.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

\* Bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư (*theo mẫu*);

\* Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư;

\* Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (*mọi trường hợp tăng vốn đầu tư, trừ trường hợp dự án đầu tư trong nước thuộc diện đăng ký điều chỉnh*);

\* Văn bản chấp thuận việc sử dụng vốn nhà nước để đầu tư (*đối với dự án tăng vốn đầu tư trong đó phần vốn tăng sử dụng vốn nhà nước*);

\* Bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng liên doanh hoặc Hợp đồng hợp tác kinh doanh

(trường hợp dự án có vốn đầu tư nước ngoài và (hoặc) thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh);

\* Bản sửa đổi bổ sung Điều lệ doanh nghiệp (trường hợp dự án có vốn đầu tư nước ngoài và (hoặc) thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh);

\* Giải trình lý do điều chỉnh;

\* Những thay đổi so với nội dung đã thẩm tra khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư;

\* Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án;

\* Các thủ tục hồ sơ khác quy định tại các luật có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ (01 bộ gốc, 03 bộ copy).

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): các Bộ, Sở, Ban ngành có liên quan.

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đầu tư.

- Lệ phí (nếu có): không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

\* Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp/hoặc Chi nhánh) (Phụ lục I-4, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

\* **Điều kiện về thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư:** Dự án đầu tư thuộc diện thẩm tra điều chỉnh gồm các dự án mà sau khi điều chỉnh về mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn, hình thức, thời hạn, dự án đó thuộc các trường hợp sau: dự án có vốn đầu

tư nước ngoài sau khi điều chỉnh thuộc diện thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư; dự án đầu tư trong nước mà sau khi điều chỉnh, dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

\* **Điều kiện về địa điểm thực hiện dự án:** phù hợp với các Quyết định phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 của các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

\* **Điều kiện về mục tiêu thực hiện dự án:**

• Theo quy định Luật Đầu tư năm 2005:

+ Lĩnh vực đầu tư có điều kiện:

1. Lĩnh vực đầu tư có điều kiện bao gồm:

a) Lĩnh vực tác động đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;

b) Lĩnh vực tài chính, ngân hàng;

c) Lĩnh vực tác động đến sức khỏe cộng đồng;

d) Văn hóa, thông tin, báo chí, xuất bản;

đ) Dịch vụ giải trí;

e) Kinh doanh bất động sản;

g) Khảo sát, tìm kiếm, thăm dò, khai thác tài nguyên thiên nhiên; môi trường sinh thái;

h) Phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo;

i) Một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với nhà đầu tư nước ngoài, ngoài các lĩnh vực quy định trên, các lĩnh vực đầu tư có điều kiện còn bao gồm các lĩnh vực đầu tư theo lộ trình thực hiện cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đầu tư trong các lĩnh vực không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, nhưng trong quá trình hoạt động, lĩnh vực đã đầu tư được bổ sung vào Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì nhà đầu tư vẫn được tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực đó.

4. Nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện đầu tư như nhà đầu tư trong nước trong trường hợp các nhà đầu tư Việt Nam sở hữu từ 51% vốn Điều lệ của doanh nghiệp trở lên.

5. Căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và phù hợp với các cam kết trong điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Chính phủ quy định Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện, các điều kiện liên quan đến việc thành lập tổ chức kinh tế, hình thức đầu tư, mở cửa thị trường trong một số lĩnh vực đối với đầu tư nước ngoài.

+ Lĩnh vực cấm đầu tư:

1. Các dự án gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia và lợi ích công cộng.

2. Các dự án gây phương hại đến di tích lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.

3. Các dự án gây tổn hại đến sức khỏe nhân dân, làm hủy hoại tài nguyên, phá hủy môi trường.

4. Các dự án xử lý phế thải độc hại đưa từ bên ngoài vào Việt Nam; sản xuất các loại hóa chất độc hại hoặc sử dụng tác nhân độc hại bị cấm theo điều ước quốc tế.

• Theo quy định Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư:

+ Dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư:

1. Các dự án đầu tư không phân biệt nguồn vốn, quy mô đầu tư trong những lĩnh vực sau:

- a) Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không; vận tải hàng không;
- b) Xây dựng và kinh doanh cảng biển quốc gia;
- c) Thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí; thăm dò, khai thác khoáng sản;
- d) Phát thanh, truyền hình;
- đ) Kinh doanh casino;
- e) Sản xuất thuốc lá điếu;
- g) Thành lập cơ sở đào tạo đại học;
- h) Thành lập khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế.

2. Dự án đầu tư không thuộc quy định tại khoản 1 trên, không phân biệt nguồn vốn và có quy mô vốn đầu tư từ 1.500 tỷ đồng Việt Nam trở lên trong những lĩnh vực sau:

- a) Kinh doanh điện; chế biến khoáng sản; luyện kim;

b) Xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa;

c) Sản xuất, kinh doanh rượu, bia;

3. Dự án có vốn đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực sau:

a) Kinh doanh vận tải biển;

b) Thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát, viễn thông và Internet; thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng;

c) In ấn, phát hành báo chí; xuất bản;

d) Thành lập cơ sở nghiên cứu khoa học độc lập.

4. Đối với dự án đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 3 trên nằm trong quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà không phải trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

5. Trường hợp dự án đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 3 trên không nằm trong quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt hoặc dự án không đáp ứng các điều kiện mở cửa thị trường quy định tại điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư chủ trì, lấy ý kiến Bộ quản lý ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh bổ sung quy hoạch hoặc quyết định mở cửa thị trường đầu tư.

6. Trường hợp dự án đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 3 trên thuộc lĩnh vực chưa có quy hoạch, thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư lấy ý kiến Bộ quản lý ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan khác có liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

+ Dự án do Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận đầu tư:

Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (sau đây gọi là Ban Quản lý) thực hiện việc đăng ký đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, bao gồm cả các dự án đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại Điều 37 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.



+ Và các điều kiện theo quy định.

**\* Điều kiện về chuyển nhượng vốn:**

+ Bảo đảm các yêu cầu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan;

+ Bảo đảm tỷ lệ và các điều kiện phù hợp với quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

+ Việc chuyển nhượng vốn là giá trị quyền sử dụng đất phải phù hợp với quy định pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

\* Luật Đầu tư năm 2005.

\* Luật Kinh doanh bất động sản năm 2006.

\* Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

\* Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

\* Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản.

\* Quyết định số 731/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

\* Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 có tính đến 2020.

\* Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

\* Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt đề án chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp - phát triển công nghiệp hiệu quả cao trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực kể từ ngày ký.

\* Quyết định số 30/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban

nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2009.

**\* Mẫu Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp Giấy chứng nhận đầu tư không gắn với thành lập doanh nghiệp/hoặc Chi nhánh)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ**

[01] **Kính gửi:**

[02] Nhà đầu tư:

Đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (*số, ngày cấp, nơi cấp*) với nội dung sau:

*(Ghi nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và nội dung đề nghị điều chỉnh nếu có trong các mục dưới đây)*

[11] **1. Tên dự án đầu tư:**

[12] **2. Địa điểm thực hiện dự án:** ; Diện tích đất dự kiến sử dụng:

[13] **3. Mục tiêu và quy mô của dự án:**

[14] **4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:**

[15] Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án

[16] **5. Thời hạn hoạt động:**

[17] **6. Tiến độ thực hiện dự án:**

[18] **7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:**

**8. Nhà đầu tư cam kết:**

a) Về tính chính xác của nội dung hồ sơ điều chỉnh;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

[19] **NHÀ ĐẦU TƯ**

[20] **Hồ sơ kèm theo:**

## **24. Thủ tục Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh**

- *Trình tự thực hiện:*

\* Bước 1: Doanh nghiệp liên hệ Phòng Quản lý Đầu tư - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh để được hướng dẫn và chuẩn bị thủ tục hồ sơ theo quy định.

\* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, số 35 Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ hai đến thứ sáu, sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ.

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thì phải xuất trình CMND (hoặc hộ chiếu hoặc chứng từ chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định) và văn bản ủy quyền có xác nhận chính quyền địa phương hoặc Công chứng nhà nước.

+ Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầu mục hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ (đầu mục hồ sơ đầy đủ và kê khai đầy đủ theo quy định): lập và giao biên nhận hồ sơ cho chủ đầu tư theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên tiếp nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn lại thủ tục hồ sơ theo quy định.

\* Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đại diện ủy quyền của doanh nghiệp đến Tổ tiếp nhận và trả kết quả để nhận kết quả giải quyết.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

\* Bản đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh (*theo mẫu*);

\* Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư;

\* Bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng liên doanh hoặc Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*trường hợp dự án có vốn đầu tư nước ngoài và (hoặc) thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh*);

\* Bản sửa đổi bổ sung Điều lệ doanh nghiệp (*trường hợp dự án có vốn đầu tư nước ngoài và (hoặc) thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh*);

\* Thông báo thay đổi nội dung đăng ký của chi nhánh (*theo mẫu*);

\* Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề đối với người đứng đầu chi nhánh (*đối với trường hợp bổ sung ngành nghề kinh doanh cho chi nhánh mà theo quy định của pháp luật ngành nghề đó phải có chứng chỉ hành nghề*);

\* Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp (*đối với trường hợp có sự thay đổi và trụ sở chính nằm ngoài các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh*);

\* Các thủ tục hồ sơ khác quy định tại các luật có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gốc, 01 bộ copy).

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): các Bộ, Sở, ban, ngành có liên quan.

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đầu tư.

- Lệ phí (nếu có): không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

\* Bản đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh/hoặc đăng ký hoạt động của chi nhánh trong Giấy chứng nhận đầu tư) (Phụ lục I-7, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

\* Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp (Phụ lục III-4, Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh);

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

**\* Điều kiện về trụ sở chi nhánh:**

+ Trụ sở chi nhánh của doanh nghiệp là địa điểm liên lạc, giao dịch của doanh nghiệp; phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

+ Và các yêu cầu điều kiện theo quy định khác.

**\* Điều kiện về tên chi nhánh:** Chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh phải mang tên của doanh nghiệp, kèm theo phần bổ sung tương ứng xác định chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh đó.

**\* Điều kiện về ngành nghề kinh doanh:**

+ Ngành nghề kinh doanh của chi nhánh phải phù hợp với ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Và các yêu cầu điều kiện khác theo quy định

**\* Điều kiện về thời hạn thông báo lập Chi nhánh:** 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định lập chi nhánh.

**\* Điều kiện về người đứng đầu chi nhánh:** Tổ chức, cá nhân sau đây không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

+ Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

+ Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

+ Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

+ Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

+ Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

+ Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

\* Luật Đầu tư năm 2005.

\* Luật Doanh nghiệp năm 2005.

\* Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

\* Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

\* Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

\* Quyết định số 731/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

\* Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 có tính đến 2020.

\* Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

\* Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy định nội dung Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

\* Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21 tháng 5 năm 2007 của Bộ Thương mại về Công bố Lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

\* Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

\* Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt đề án chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp - phát triển công nghiệp hiệu quả cao trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực kể từ ngày ký.

---

\* Quyết định số 30/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2009.



\* **Mẫu Bản đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh/hoặc đăng ký hoạt động của chi nhánh trong Giấy chứng nhận đầu tư)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH/hoặc  
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH**

[01] **Kính gửi:**

[02] Nhà đầu tư:

Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh/hoặc đăng ký hoạt động của Chi nhánh trong Giấy chứng nhận đầu tư (*số, ngày cấp, nơi cấp*) với nội dung sau:

*(Ghi nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và nội dung đề nghị điều chỉnh nếu có trong các mục dưới đây. Đối với trường hợp đăng ký hoạt động Chi nhánh thì không cần khai mục 3, 6 và 7 dưới đây và thay từ “doanh nghiệp” bằng từ “Chi nhánh”)*

[03] **1. Tên doanh nghiệp:**

[04] **2. Địa chỉ trụ sở chính:**

[05] Chi nhánh/Văn phòng đại diện (*nếu có*)

[06] **3. Loại hình doanh nghiệp:**

[07] **4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/hoặc người đứng đầu Chi nhánh:**

[08] **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

[09] **6. Vốn của doanh nghiệp:**

[10] **7. Vốn pháp định:**

**8. Nhà đầu tư cam kết:**

a) Về tính chính xác của nội dung hồ sơ điều chỉnh;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

[19]

**NHÀ ĐẦU TƯ**

[20] **Hồ sơ kèm theo:**

\* **Mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp**

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ  
CỦA CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

**Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh .....**

1. Tên doanh nghiệp: (*ghi bằng chữ in hoa*) .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: .....

Do: ..... Cấp ngày: ...../...../.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

2. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: (*ghi bằng chữ in hoa*)

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của chi nhánh/  
văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh như sau:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Doanh nghiệp cam kết:**

Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông báo này.

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Kèm theo thông báo:

- .....  
- .....  
- .....

## **25. Thủ tục Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh**

- *Trình tự thực hiện:*

\* Bước 1: Doanh nghiệp liên hệ Phòng Quản lý Đầu tư - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh để được hướng dẫn và chuẩn bị thủ tục hồ sơ theo quy định.

\* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Tổ tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, số 35 Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ hai đến thứ sáu, sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ.

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thì phải xuất trình CMND (hoặc hộ chiếu hoặc chứng từ chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định) và văn bản ủy quyền có xác nhận chính quyền địa phương hoặc Công chứng nhà nước.

+ Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầu mục hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ (đầu mục hồ sơ đầy đủ và kê khai đầy đủ theo quy định): lập và giao biên nhận hồ sơ cho chủ đầu tư theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên tiếp nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn lại thủ tục hồ sơ theo quy định.

\* Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đại diện ủy quyền của doanh nghiệp đến Tổ tiếp nhận và trả kết quả để nhận kết quả giải quyết.

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

\* Bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư (*theo mẫu*);

\* Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư;

\* Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (*mọi trường hợp tăng vốn đầu tư, trừ trường hợp dự án đầu tư trong nước thuộc diện đăng ký điều chỉnh*);

\* Văn bản chấp thuận việc sử dụng vốn nhà nước để đầu tư (*đối với dự án tăng vốn đầu tư trong đó phần vốn tăng sử dụng vốn nhà nước*);

\* Bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng liên doanh hoặc Hợp đồng hợp tác kinh doanh

*(trường hợp dự án có vốn đầu tư nước ngoài và (hoặc) thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh);*

\* Bản sửa đổi bổ sung Điều lệ doanh nghiệp *(trường hợp dự án có vốn đầu tư nước ngoài và (hoặc) thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh);*

\* Thông báo bổ sung, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh *(theo mẫu);*

\* Các văn bản kèm theo thông báo: Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần và của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty TNHH một thành viên và quyết định của chủ doanh nghiệp tư nhân;

\* Bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương; Bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác *(trường hợp thay đổi, bổ sung; trường hợp là tổ chức nước ngoài thì bản sao Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ tương đương khác phải có chứng thực của cơ quan nơi tổ chức đó đã đăng ký không quá ba tháng trước ngày nộp hồ sơ);*

\* Danh sách thành viên đối với công ty TNHH có hai thành viên trở lên/cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần/người đại diện theo ủy quyền đối với công ty TNHH một thành viên có hai người ủy quyền trở lên/thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh *(trường hợp có sự thay đổi, bổ sung và áp dụng theo mẫu);*

\* Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của Giám đốc (Tổng giám đốc) và các chức danh quản lý doanh nghiệp *(trường hợp bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề);*

\* Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan có thẩm quyền *(nếu trường hợp bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định, trừ trường hợp vốn chủ sở hữu được ghi trong bảng tổng kết tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất lớn hơn hoặc bằng nước vốn pháp định theo quy định);*

\* Báo cáo tài chính của công ty tại kỳ gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ (Đối với trường hợp giảm vốn điều lệ, doanh nghiệp phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn). Đối với công ty có phần vốn sở hữu nước ngoài chiếm trên 50%, báo cáo tài chính phải được xác nhận của kiểm toán độc lập. *(trường hợp thay đổi vốn điều lệ);*

\* Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới vào công ty (đối với trường

hợp thay đổi thành viên Công ty TNHH có hai thành viên trở lên do tiếp nhận thành viên mới);

\* Hợp đồng chuyển nhượng và các giấy tờ chứng thực đã hoàn tất việc chuyển nhượng có xác nhận của công ty (trường hợp thay đổi thành viên do chuyển nhượng phần vốn góp);

\* Bản sao hợp lệ bản án, quyết định tòa án đã có hiệu lực pháp luật (khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo quyết định của Tòa án);

\* Các thủ tục hồ sơ khác quy định tại các luật có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gốc, 01 bộ copy).

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): các Bộ, Sở, ban, ngành có liên quan.

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đầu tư.

- Lệ phí (nếu có): không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

\* Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp gắn liền với thành lập doanh nghiệp (Phụ lục I-6, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

\* Bản đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh/hoặc đăng ký hoạt động của chi nhánh trong Giấy chứng nhận đầu tư) (Phụ lục I-7, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

\* Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên (Phụ lục I-8, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

\* Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (Phụ lục I-9, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

\* Danh sách thành viên sáng lập công ty hợp danh (Phụ lục I-10, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam);

\* Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục II-1, Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh);

\* Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (Phụ lục II-2, Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh);

\* Danh sách thành viên công ty hợp danh (Phụ lục II-3, Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh);

\* Danh sách người đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH một thành viên (đối với chủ sở hữu là tổ chức) (Phụ lục II-4, Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh);

\* Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp (Phụ lục III-5, Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ

tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh);

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

**\* Điều kiện về điều chỉnh dự án đầu tư:**

+ Khi điều chỉnh dự án đầu tư liên quan đến mục tiêu, quy mô, địa điểm, hình thức, vốn và thời hạn thực hiện dự án đầu tư, nhà đầu tư phải làm thủ tục tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ để làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư.

+ Các dự án đầu tư không phải làm thủ tục đăng ký điều chỉnh hoặc thẩm tra điều chỉnh gồm các dự án không điều chỉnh về mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn, hình thức, thời hạn; hoặc sau khi điều chỉnh về mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn, hình thức, thời hạn, dự án thuộc các trường hợp sau:

a) Các dự án đầu tư trong nước sau khi điều chỉnh có quy mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

b) Các dự án đầu tư trong nước mà sau khi điều chỉnh, dự án có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và không thay đổi mục tiêu, địa điểm đầu tư.

**\* Điều kiện về tên doanh nghiệp:**

• Theo quy định Luật Doanh nghiệp 2005:

+ Tên doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phải phát âm được và có ít nhất hai thành tố sau đây:

a) Loại hình doanh nghiệp;

b) Tên riêng.

2. Tên doanh nghiệp phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

3. Căn cứ vào quy định tại Điều này và các điều 32, 33 và 34 của Luật này, cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp. Quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng.

+ Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:

1. Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

2. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ

chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

3. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

+ Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên bằng tiếng Việt sang tiếng nước ngoài tương ứng. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

2. Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp tại cơ sở của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

3. Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên bằng tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

+ Tên trùng và tên gây nhầm lẫn:

1. Tên trùng là tên của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

2. Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

a) Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

b) Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên doanh nghiệp đã đăng ký bởi ký hiệu “&”;

c) Tên viết tắt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

d) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;

đ) Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái tiếng Việt ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký;



e) Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;

g) Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bằng các từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc các từ có ý nghĩa tương tự, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký.

• Theo quy định Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh:

+ Tên doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phát âm được và phải có hai thành tố sau đây:

a) Thành tố thứ nhất: Loại hình doanh nghiệp, bao gồm: công ty trách nhiệm hữu hạn, cụm từ trách nhiệm hữu hạn có thể viết tắt là TNHH; công ty cổ phần, từ cổ phần có thể viết tắt là CP; công ty hợp danh, từ hợp danh có thể viết tắt là HD; doanh nghiệp tư nhân, từ tư nhân có thể viết tắt là TN;

b) Thành tố thứ hai: Tên riêng của doanh nghiệp;

Riêng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể sử dụng tên riêng bằng tiếng nước ngoài đã đăng ký để cấu thành một phần hoặc toàn bộ tên riêng của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp có thể sử dụng ngành, nghề kinh doanh, hình thức đầu tư hay yếu tố phụ trợ khác để cấu thành tên riêng của doanh nghiệp nếu doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh ngành, nghề đó hoặc thực hiện đầu tư theo hình thức đó. Khi không còn kinh doanh ngành, nghề hoặc thực hiện hình thức đầu tư đã dùng để cấu thành tên riêng của doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải đăng ký đổi tên.

3. Nếu tên riêng của doanh nghiệp sử dụng các thành tố có tính chất mô tả xuất xứ, chất lượng hàng hóa, dịch vụ thì phải được cơ quan quản lý nhà nước xác nhận.

+ Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:

1. Không được đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp khác đã đăng ký trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Quy định này không bao gồm doanh nghiệp đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Không được sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân

dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

3. Không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc, tên danh nhân để đặt tên riêng cho doanh nghiệp.

4. Không được sử dụng tên thương mại của tổ chức, cá nhân khác đã đăng ký bảo hộ để cấu thành tên riêng của doanh nghiệp trừ trường hợp được sự chấp thuận của chủ sở hữu tên thương mại đó. Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm quy định này. Trường hợp tên của doanh nghiệp vi phạm các quy định của pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại thì doanh nghiệp có tên vi phạm phải đăng ký đổi tên.

+ Tên trùng và tên gây nhầm lẫn:

1. Tên trùng là trường hợp tên của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

2. Các trường hợp sau đây được coi là gây nhầm lẫn với tên của các doanh nghiệp khác:

a) Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

b) Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên doanh nghiệp đã đăng ký bởi ký hiệu “&”; ký hiệu “-” ; chữ “và”;

c) Tên viết tắt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp khác đã đăng ký;

d) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp khác đã đăng ký;

đ) Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi một hoặc một số các số tự nhiên, số thứ tự hoặc một hoặc một số chữ cái tiếng Việt (A, B, C,...) ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là doanh nghiệp con của doanh nghiệp đã đăng ký;

e) Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước, hoặc “mới” ngay sau tên của doanh nghiệp đã đăng ký;

g) Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi các từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc các từ có ý nghĩa tương tự; trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là doanh nghiệp con của doanh nghiệp đã đăng ký;

h) Tên riêng của doanh nghiệp trùng với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký.

+ Các vấn đề khác liên quan đến đặt tên doanh nghiệp:

1. Các doanh nghiệp đăng ký trước khi Nghị định này có hiệu lực có tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên doanh nghiệp khác theo quy định tại Điều 12 Nghị định này không bị buộc phải đăng ký đổi tên. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có tên trùng và tên gây nhầm lẫn tự thương lượng với nhau để đăng ký đổi tên doanh nghiệp.

2. Căn cứ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Luật Doanh nghiệp và quy định tại Chương này, cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp và quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng.

3. Trước khi đăng ký đặt tên doanh nghiệp, doanh nghiệp tham khảo tên các công ty đang hoạt động lưu giữ tại Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở chính.

**\* Điều kiện về trụ sở chính doanh nghiệp:**

+ Trụ sở chính của doanh nghiệp là địa điểm liên lạc, giao dịch của doanh nghiệp; phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

+ Doanh nghiệp phải thông báo thời gian mở cửa tại trụ sở chính với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Và các điều kiện khác theo quy định.

**\* Điều kiện về ngành nghề kinh doanh:**

• Theo quy định Luật Doanh nghiệp 2005:

Ngành, nghề và điều kiện kinh doanh:

1. Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có quyền kinh doanh các ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

2. Đối với ngành, nghề mà pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan quy định phải có điều kiện thì doanh nghiệp chỉ được kinh doanh ngành, nghề đó khi có đủ điều kiện theo quy định.

Điều kiện kinh doanh là yêu cầu mà doanh nghiệp phải có hoặc phải thực hiện khi kinh doanh ngành, nghề cụ thể, được thể hiện bằng giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, yêu cầu về vốn pháp định hoặc yêu cầu khác.

3. Cấm hoạt động kinh doanh gây phương hại đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam và sức khỏe của nhân dân, làm hủy hoại tài nguyên, phá hủy môi trường.

Chính phủ quy định cụ thể danh mục ngành, nghề kinh doanh bị cấm.

4. Chính phủ định kỳ rà soát, đánh giá lại toàn bộ hoặc một phần các điều kiện kinh doanh; bãi bỏ hoặc kiến nghị bãi bỏ các điều kiện không còn phù hợp; sửa đổi hoặc kiến nghị sửa đổi các điều kiện bất hợp lý; ban hành hoặc kiến nghị ban hành điều kiện kinh doanh mới theo yêu cầu quản lý nhà nước.

5. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp không được quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh.

• Theo quy định Nghị định số 88/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29 tháng 8 năm 2006 về đăng ký kinh doanh:

Ngành, nghề kinh doanh:

1. Ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo Hệ thống ngành kinh tế quốc dân, trừ những ngành, nghề cấm kinh doanh.

2. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

3. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi ngành, nghề kinh doanh đó vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê để bổ sung mã mới.

4. Đối với ngành, nghề kinh doanh quy định phải có chứng chỉ hành nghề, mỗi cá nhân chỉ được sử dụng chứng chỉ hành nghề để đăng ký kinh doanh ở một doanh nghiệp.

5. Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại các Luật, Pháp lệnh hoặc Nghị định của Chính phủ. Nghiêm cấm việc ban hành và quy định không đúng thẩm quyền về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

• Theo quy định Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp:

+ Ngành, nghề cấm kinh doanh:

1. Danh mục ngành, nghề cấm kinh doanh gồm:

a) Kinh doanh vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; quân trang (bao gồm cả phù hiệu, cấp hiệu, quân hiệu của quân đội, công an), quân dụng cho lực lượng vũ trang; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng;

b) Kinh doanh chất ma túy các loại;

c) Kinh doanh hóa chất bảng 1 (theo Công ước quốc tế);

d) Kinh doanh các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách;

đ) Kinh doanh các loại pháo;

e) Kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội;

g) Kinh doanh các loại thực vật, động vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc Danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng;

h) Kinh doanh mại dâm, tổ chức mại dâm, buôn bán phụ nữ, trẻ em;

i) Kinh doanh dịch vụ tổ chức đánh bạc, gá bạc dưới mọi hình thức;

k) Kinh doanh dịch vụ điều tra bí mật xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân;

l) Kinh doanh dịch vụ môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài;

m) Kinh doanh dịch vụ môi giới nhận cha, mẹ, con nuôi, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài;

n) Kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường;

o) Kinh doanh các loại sản phẩm, hàng hóa và thiết bị cấm lưu hành, cấm sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành và/hoặc sử dụng tại Việt Nam;

p) Các ngành, nghề cấm kinh doanh khác được quy định tại các luật, pháp lệnh và nghị định chuyên ngành.

2. Việc kinh doanh các ngành, nghề quy định tại khoản 1 Điều này trong một số trường hợp đặc biệt áp dụng theo quy định của các luật, pháp lệnh hoặc nghị định chuyên ngành liên quan.

+ Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh:

1. Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh áp dụng theo các quy định của các luật, pháp lệnh, nghị định chuyên ngành hoặc quyết định có liên quan của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi chung là pháp luật chuyên ngành).

2. Điều kiện kinh doanh được thể hiện dưới các hình thức:

a) Giấy phép kinh doanh;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

c) Chứng chỉ hành nghề;

d) Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;

đ) Xác nhận vốn pháp định;

e) Chấp thuận khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Các yêu cầu khác mà doanh nghiệp phải thực hiện hoặc phải có mới được quyền kinh doanh ngành nghề đó mà không cần xác nhận, chấp thuận dưới bất kỳ hình thức nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Các quy định về loại ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề đó tại các văn bản quy phạm pháp luật khác ngoài các loại văn bản quy phạm pháp luật nói tại khoản 1 Điều này đều hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008.

+ Ngành, nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề:

1. Chứng chỉ hành nghề nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Doanh nghiệp là văn bản mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc hiệp hội nghề nghiệp được Nhà nước ủy quyền cấp cho cá nhân có đủ trình độ chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp về một ngành, nghề nhất định.

Chứng chỉ hành nghề được cấp ở nước ngoài không có hiệu lực thi hành tại Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành hoặc Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2. Ngành, nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề và điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề tương ứng áp dụng theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

3. Đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật thì việc đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh đó phải thực hiện theo quy định dưới đây:

a) Đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật yêu cầu Giám đốc doanh nghiệp hoặc người đứng đầu cơ sở kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề thì Giám đốc của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu cơ sở kinh doanh đó phải có chứng chỉ hành nghề.

b) Đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật yêu cầu Giám đốc và người khác phải có chứng chỉ hành nghề thì Giám đốc của doanh nghiệp đó và ít nhất một cán bộ chuyên môn theo quy định của pháp luật chuyên ngành đó phải có chứng chỉ hành nghề.

c) Đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật không yêu cầu Giám đốc hoặc người đứng đầu cơ sở kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề thì ít nhất một cán bộ chuyên môn theo quy định của pháp luật chuyên ngành đó phải có chứng chỉ hành nghề.

+ Ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định:

1. Ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định, mức vốn pháp định cụ thể, cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về vốn pháp định, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận vốn pháp định, hồ sơ, điều kiện và cách thức xác nhận vốn pháp định áp dụng theo các quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và Giám đốc/Tổng giám đốc (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn), Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc/Tổng giám đốc (đối với công ty cổ phần), tất cả các thành viên hợp danh (đối với công ty hợp danh) và chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân (đối với doanh nghiệp tư nhân) phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của số vốn được xác nhận là vốn pháp định khi thành lập doanh nghiệp. Doanh nghiệp có nghĩa vụ bảo đảm mức vốn điều lệ thực tế không thấp hơn mức vốn pháp định đã được xác nhận trong cả quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Đối với doanh nghiệp đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký bổ sung ngành, nghề phải có vốn pháp định thì việc đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký bổ sung ngành, nghề

kinh doanh phải có thêm xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận vốn pháp định, trừ trường hợp vốn chủ sở hữu được ghi trong bảng tổng kết tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất lớn hơn hoặc bằng vốn pháp định theo quy định.

4. Người trực tiếp xác nhận vốn pháp định cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số vốn tại thời điểm xác nhận.

+ Và các điều kiện theo quy định.

**\* Điều kiện về thành viên:**

• Theo quy định Luật Doanh nghiệp năm 2005:

Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp:

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

2. Tổ chức, cá nhân sau đây không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

b) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

d) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

đ) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

e) Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

3. Tổ chức, cá nhân có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật này, trừ



trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

4. Tổ chức, cá nhân sau đây không được mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

b) Các đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

• Theo quy định Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh:

Các giấy tờ chứng thực cá nhân trong hồ sơ đăng ký kinh doanh:

1. Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực hoặc hộ chiếu còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam ở trong nước.

2. Một trong số các giấy tờ còn hiệu lực đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài sau đây:

a) Hộ chiếu Việt Nam;

b) Hộ chiếu nước ngoài (hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài) và một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau:

✓ Giấy chứng nhận có quốc tịch Việt Nam;

✓ Giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam;

✓ Giấy xác nhận đăng ký công dân;

✓ Giấy xác nhận gốc Việt Nam;

✓ Giấy xác nhận có gốc Việt Nam;

✓ Giấy xác nhận có quan hệ huyết thống Việt Nam;

✓ Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật.

3. Thẻ thường trú do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp và Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam.

4. Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam.

• Theo quy định Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

+ Quyền góp vốn, mua cổ phần:

1. Tất cả các tổ chức là pháp nhân, gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, không phân biệt nơi đăng ký trụ sở chính và mọi cá nhân, không phân biệt quốc tịch và nơi cư trú, nếu không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp, đều có quyền góp vốn, mua cổ phần với mức không hạn chế tại doanh nghiệp theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp, trừ các trường hợp dưới đây:

a) Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại các công ty niêm yết thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

b) Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong các trường hợp đặc thù áp dụng quy định của các luật nói tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này và các quy định pháp luật chuyên ngành khác có liên quan;

c) Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước cổ phần hóa hoặc chuyển đổi sở hữu theo hình thức khác thực hiện theo pháp luật về cổ phần hóa và chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

d) Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ áp dụng theo Biểu cam kết cụ thể về thương mại dịch vụ (Phụ lục Nghị định thư gia nhập WTO của Việt Nam).

2. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc nhận chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên hoặc của chủ sở hữu công ty theo quy định về góp vốn hoặc chuyển nhượng phần vốn góp; và đăng ký thay đổi thành viên theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 88/2006/NĐ-CP.

Việc đăng ký thay đổi thành viên đối với công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện tại cơ quan nhà nước quản lý đầu tư có thẩm quyền.

Việc đăng ký thay đổi thành viên trong trường hợp khác thực hiện tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

3. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần mới phát hành, nhận chuyển nhượng cổ phần theo quy định về mua cổ phần, chuyển nhượng cổ phần và thực hiện đăng ký cổ đông, hoặc đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp nhận vốn góp cổ phần của cổ đông sáng lập quy định tại khoản 3 Điều 84 hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập quy định tại khoản

5 Điều 84 của Luật Doanh nghiệp, thì còn phải đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập theo quy định của Nghị định số 88/2006/NĐ-CP tại cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan nhà nước quản lý đầu tư có thẩm quyền.

+ Cấm cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước để góp vốn, mua cổ phần và thành lập doanh nghiệp để thu lợi riêng:

1. Nghiêm cấm cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản của Nhà nước và công quỹ để thành lập doanh nghiệp, góp vốn và mua cổ phần của doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình.

2. Tài sản của Nhà nước và công quỹ quy định tại Điều này bao gồm:

a) Tài sản được mua sắm bằng vốn ngân sách nhà nước và vốn có nguồn gốc ngân sách nhà nước;

b) Kinh phí được cấp từ ngân sách nhà nước;

c) Đất được giao sử dụng để thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

d) Tài sản và thu nhập khác được tạo ra từ việc sử dụng các tài sản và kinh phí nói trên.

3. Thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình là việc sử dụng thu nhập dưới mọi hình thức có được từ hoạt động kinh doanh, từ góp vốn, mua cổ phần vào ít nhất một trong các mục đích sau đây:

a) Chia dưới mọi hình thức cho một số hoặc tất cả cán bộ, nhân viên của cơ quan, đơn vị;

b) Bổ sung vào ngân sách hoạt động của cơ quan, đơn vị trái với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Lập quỹ hoặc bổ sung vào quỹ phục vụ lợi ích riêng của cơ quan, đơn vị.

+ Hướng dẫn bổ sung về một số quyền và nghĩa vụ của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn:

1. Trường hợp cá nhân là thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn bị tạm giữ, tạm giam, bị kết án tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật, thì thành viên đó ủy quyền cho người khác tham gia Hội đồng thành viên quản lý công ty.

2. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên, nếu có thành viên là cá nhân làm người đại diện theo pháp luật của công ty bị tạm giữ, tạm giam, trốn khỏi nơi cư trú, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật thì thành viên còn lại đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên.

3. Trường hợp công ty không mua lại phần vốn góp, không thanh toán được phần vốn góp được mua lại hoặc không thỏa thuận được về giá mua lại phần vốn góp như quy định tại Điều 43 của Luật Doanh nghiệp thì thành viên yêu cầu công ty mua lại có quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho người khác. Trong trường hợp này, việc chuyển nhượng không bắt buộc phải thực hiện theo quy định tại Điều 44 của Luật Doanh nghiệp.

4. Thành viên chưa góp hoặc đã góp vốn nhưng chưa góp đủ và đúng hạn số vốn như đã cam kết thì phải trả lãi cao nhất của các ngân hàng thương mại cho đến khi nộp đủ số vốn đã cam kết góp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác hoặc các thành viên có thỏa thuận khác.

+ Hướng dẫn bổ sung về Giám đốc (Tổng giám đốc) và thành viên Hội đồng quản trị:

1. Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;

b) Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 5% số cổ phần phổ thông (đối với công ty cổ phần), thành viên là cá nhân sở hữu ít nhất 10% vốn điều lệ (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn) hoặc người khác thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của công ty.

Trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn và điều kiện khác với tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm này, thì áp dụng tiêu chuẩn và điều kiện do Điều lệ công ty quy định;

c) Đối với công ty con của công ty có phần vốn góp, cổ phần của Nhà nước chiếm hơn 50% vốn điều lệ, thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại các

điểm a và b khoản này, Giám đốc (Tổng giám đốc) của công ty con không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi hoặc anh, chị, em ruột của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty con đó.

2. Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là tổ chức phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế tương ứng trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Trường hợp chủ sở hữu công ty là cơ quan nhà nước hoặc doanh nghiệp có hơn 50% sở hữu nhà nước thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại các điểm a và b khoản này, Giám đốc (Tổng giám đốc) không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi hoặc anh, chị, em ruột của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan nhà nước và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty đó.

3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;

b) Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông; hoặc cổ đông sở hữu ít hơn 5% tổng số cổ phần, người không phải là cổ đông thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của công ty.

Trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn và điều kiện khác với tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm này, thì áp dụng tiêu chuẩn và điều kiện do Điều lệ công ty quy định;

4. Nếu Điều lệ công ty không quy định khác thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc/Tổng giám đốc của công ty đó có thể kiêm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc/Tổng giám đốc (trừ Giám đốc/Tổng giám đốc công ty cổ phần) của công ty khác.

5. Trường hợp cá nhân người nước ngoài được giao làm người đại diện theo

pháp luật của doanh nghiệp, thì người đó phải ở Việt Nam trong suốt thời hạn của nhiệm kỳ và phải đăng ký tạm trú theo quy định của pháp luật. Trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam trong thời hạn quá 30 ngày liên tục thì phải:

a) Ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều lệ công ty để người đó thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

b) Gửi Văn bản ủy quyền đó đến Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban Quản lý khu công nghiệp, Ban Quản lý khu kinh tế nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở chính để biết ít nhất 2 ngày trước khi xuất cảnh.

**\* Điều kiện về chuyển nhượng vốn:**

+ Bảo đảm các yêu cầu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan;

+ Bảo đảm tỷ lệ và các điều kiện phù hợp với quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

+ Việc chuyển nhượng vốn là giá trị quyền sử dụng đất phải phù hợp với quy định pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

**\* Điều kiện về thời hạn thông báo thay đổi:**

+ Ngành nghề kinh doanh: 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh;

+ Địa chỉ trụ sở chính: 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định chuyển địa chỉ trụ sở chính;

+ Tên doanh nghiệp: 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định đổi tên;

+ Thành viên Hợp danh, cổ đông sáng lập công ty cổ phần, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi;

+ Người đại diện theo pháp luật: 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi ;

+ Thay đổi vốn điều lệ công ty : 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định tăng, giảm vốn điều lệ hoặc thay đổi tỷ lệ vốn góp;

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

\* Luật Đầu tư năm 2005.

\* Luật Doanh nghiệp năm 2005.

\* Luật Thương mại năm 2005.

\* Luật Kinh doanh bất động sản năm 2006.

\* Nghị quyết của Quốc hội số 71/2006/NQ-QH ngày 29 tháng 11 năm 2006 phê chuẩn Nghị định thư gia nhập Hiệp định thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

\* Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

\* Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

\* Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

\* Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

\* Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

\* Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn thi hành quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

\* Nghị định số 140/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về điều kiện kinh doanh dịch vụ lô-gi-stíc và giới hạn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ lô-gi-stíc.

\* Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản.

+ Quyết định số 731/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

\* Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 có tính đến 2020.

\* Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

\* Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

\* Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy định nội dung Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

\* Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21 tháng 5 năm 2007 của Bộ Thương mại về Công bố Lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

\* Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

\* Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

\* Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17 tháng 7 năm 2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn thi hành quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

\* Thông tư số 05/2008/TT-BCT ngày 14 tháng 4 năm 2008 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17 tháng 7 năm 2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

\* Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt đề án chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp - phát triển công nghiệp hiệu quả cao trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực kể từ ngày ký.



\* Quyết định số 30/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2009.

\* **Mẫu Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp gắn liền với thành lập doanh nghiệp)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ**

[01] **Kính gửi:**

[02] Nhà đầu tư:

Đăng ký/đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (*số, ngày cấp, nơi cấp*) với nội dung sau:

*(Ghi nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và nội dung đề nghị điều chỉnh nếu có trong các mục dưới đây)*

**I. Đăng ký điều chỉnh nội dung kinh doanh**

[03] **1. Tên doanh nghiệp:**

[04] **2. Địa chỉ trụ sở chính:**

[05] Chi nhánh/Văn phòng đại diện (*nếu có*):

[06] **3. Loại hình doanh nghiệp:**

[07] **4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:**

[08] **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

[09] **6. Vốn của doanh nghiệp:**

[10] **7. Vốn pháp định:**

**II. Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư**

[11] **1. Tên dự án đầu tư:**

[12] **2. Địa điểm thực hiện dự án:** ; Diện tích đất dự kiến sử dụng:

[13] **3. Mục tiêu và quy mô của dự án:**

[14] **4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:**

[15] Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án

[16] **5. Thời hạn hoạt động:**

[17] 6. Tiến độ thực hiện dự án:

[18] 7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:

**III. Nhà đầu tư cam kết:**

1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ điều chỉnh;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

[19]

**NHÀ ĐẦU TƯ**

[20] **Hồ sơ kèm theo:**

**\* Mẫu Bản đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh/hoặc đăng ký hoạt động của chi nhánh trong Giấy chứng nhận đầu tư**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH/hoặc  
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH**

[01] **Kính gửi:**

[02] Nhà đầu tư:

Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh/hoặc đăng ký hoạt động của Chi nhánh trong Giấy chứng nhận đầu tư (số, ngày cấp, nơi cấp) với nội dung sau:

*(Ghi nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và nội dung đề nghị điều chỉnh nếu có trong các mục dưới đây. Đối với trường hợp đăng ký hoạt động Chi nhánh thì không cần khai mục 3, 6 và 7 dưới đây và thay từ “doanh nghiệp” bằng từ “Chi nhánh”)*

[03] **1. Tên doanh nghiệp:**

[04] **2. Địa chỉ trụ sở chính:**

[05] Chi nhánh/Văn phòng đại diện *(nếu có)*

[06] **3. Loại hình doanh nghiệp:**

[07] **4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/hoặc người đứng đầu Chi nhánh:**

[08] **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

[09] **6. Vốn của doanh nghiệp:**

[10] **7. Vốn pháp định:**

**8. Nhà đầu tư cam kết:**

a) Về tính chính xác của nội dung hồ sơ điều chỉnh;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

[19] **NHÀ ĐẦU TƯ**

[20] **Hồ sơ kèm theo:**

**\* Mẫu Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐỐI VỚI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
CÓ TỪ HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Số TT	Tên thành viên sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
				Tổng giá trị vốn góp	Phương thức góp vốn	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

Cột (2) Thành viên là cá nhân: Họ và tên/ngày sinh/Giới tính/Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Thành viên là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Đối với thành viên là tổ chức: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

## \* Mẫu Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP ĐỐI VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN

Số TT	Tên Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp						Thời điểm góp vốn	Chữ ký của cổ đông sáng lập
				Tổng số cổ phần		Loại cổ phần					
						Phổ thông		.....			
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

Cột (2) Cổ đông sáng lập là cá nhân: Họ và tên/ngày sinh/Giới tính/Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Cổ đông sáng lập là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Cổ đông sáng lập là pháp nhân: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với cổ đông sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với cổ đông sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

**\* Mẫu Danh sách thành viên sáng lập công ty hợp danh**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN SÁNG LẬP ĐỐI VỚI CÔNG TY HỢP DANH**

Số TT	Tên thành viên	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Nghề nghiệp, trình độ chuyên môn của thành viên hợp danh	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
					Tổng giá trị vốn góp	Phần vốn góp	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

Cột (2) Thành viên là cá nhân: Họ và tên/ngày sinh/Giới tính/Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Thành viên là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Đối với thành viên là tổ chức: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

## \* Mẫu Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÓ HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, Cơ quan cấp CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân, hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD đối với doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức khác	Vốn góp			Thời điểm góp vốn	Chữ ký của thành viên
									Phần vốn góp	Sở hữu vốn (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của công ty***(Ký và ghi rõ họ tên)***Ghi chú:**

Cột 10 ghi tổng giá trị vốn góp của từng thành viên.



## \* Mẫu Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

T T	Tên cổ đông sáng lập	Ngày tháng năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân, hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD đối với doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức khác	Vốn góp										Chữ ký của cổ đông sáng lập
									Tổng số cổ phần		Sở hữu vốn	Loại cổ phần						Thời điểm góp vốn	
												Phổ thông		.....		.....			
									Số lượng	Giá trị		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Đại diện theo pháp luật của công ty

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

Cột 11 ghi tổng giá trị vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập.

Tài sản hình thành tổng giá trị góp vốn cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản

## \* Mẫu Danh sách thành viên công ty hợp danh

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	QU ỐC TỊCH	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân, hoặc Giấy CN ĐKKD đối với doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức khác	Nghề nghiệp, trình độ chuyên môn của thành viên hợp danh	Vốn góp				Chữ ký của thành viên	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn góp	Sở hữu vốn	Phần vốn góp	Thời điểm góp vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	A. Thành viên hợp danh														
	B. Thành viên góp vốn (nếu có)														

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của công ty**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

Cột 11 ghi tổng giá trị vốn góp của từng thành viên.

Tài sản hình thành tổng giá trị vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

**\* Mẫu Danh sách người đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH một thành viên (đối với chủ sở hữu là tổ chức)**

**DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN (đối với chủ sở hữu là tổ chức)**

TT	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp CMND hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn góp		Chữ ký	Ghi chú
									Tổng giá trị vốn được đại diện	Thời điểm đại diện phân vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Đại diện theo pháp luật của công ty**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Tài sản hình thành tổng giá trị vốn góp được quyền đại diện của từng cá nhân cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản

\* Mẫu thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**  
**CỦA DOANH NGHIỆP**  
(Thay đổi lần thứ .....)

**Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh .....**

1. Tên doanh nghiệp: *(ghi bằng chữ in hoa)*.....  
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: .....  
Do: ..... Cấp ngày: ...../...../.....  
Vốn điều lệ (vốn đầu tư): .....  
Ngành, nghề đăng ký kinh doanh:

STT	Mã ngành	Tên ngành

Địa chỉ trụ sở chính: .....  
Điện thoại: ..... Fax: .....  
Email: ..... Website: .....  
2. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: *(ghi bằng chữ in hoa)*  
..... Nam/Nữ .....  
Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....  
Chứng minh nhân dân số: .....  
Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....  
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu có)*: .....

Số giấy chứng thực cá nhân: ..... Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....  
Chỗ ở hiện tại: .....

**Đăng ký thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký kinh doanh như sau:**

1. Ngành, nghề đăng ký bổ sung hoặc thay đổi: *(đối với trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh)*

STT	Mã ngành	Tên ngành

2. Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến: *(đối với trường hợp đăng ký thay đổi trụ sở chính)*

.....  
 .....

3. Tên doanh nghiệp dự kiến thay đổi *(đối với trường hợp đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp)*

.....  
 .....

4. Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh/Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần

*(Đối với đăng ký thay đổi thành viên hợp danh, ghi: Họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, nơi cư trú của thành viên hợp danh mới; của thành viên hợp danh bị khai trừ hoặc tự nguyện rút khỏi công ty;*

*Đối với đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần ghi: Họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, chức danh, nơi cư trú của người thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty).*

.....  
 .....

5. Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân/Đăng ký thay đổi vốn điều lệ công ty *(đối với trường hợp đăng ký thay đổi vốn đầu tư, vốn điều lệ)*

*(Đối với thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân, ghi: Mức vốn đăng ký thay đổi, phương thức và thời điểm thay đổi vốn đầu tư*

*Đối với thay đổi vốn điều lệ của công ty, ghi: Tên, địa chỉ, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp hoặc số quyết định thành lập, số đăng ký kinh doanh của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, của chủ sở hữu và người được ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần; Tỷ lệ phần vốn góp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên hoặc của mỗi cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần, tỷ lệ sở hữu được ủy quyền của từng đại diện ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo mô hình Hội đồng thành viên; vốn điều lệ dự định tăng thêm hoặc giảm xuống; thời điểm góp thêm vốn hoặc thời điểm hoàn trả lại*

vốn và phương thức hoàn trả).

.....

.....

6. Đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập công ty cổ phần/Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (đối với trường hợp đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn)

(Đối với đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập công ty cổ phần, ghi: Tên, trụ sở chính hoặc họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, quốc tịch, phần vốn góp của cổ đông sáng lập không thực hiện cam kết góp vốn; Tên, trụ sở chính hoặc họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (nếu có) hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, quốc tịch, chữ ký và phần vốn góp sau khi góp bù của các cổ đông sáng lập còn lại đối với trường hợp các cổ đông sáng lập còn lại nhận góp bù cho đủ vốn; Tên, trụ sở chính hoặc họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (nếu có) hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, quốc tịch, chữ ký và phần vốn góp sau khi góp bù của người nhận góp bù đối với trường hợp người nhận góp bù không phải là cổ đông sáng lập

Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, ghi: Tên, trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức, họ tên, quốc tịch, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; giá trị vốn góp và phần vốn góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng và giá trị của từng loại tài sản góp vốn của các thành viên mới; Phần vốn góp đã thay đổi tương ứng đối với thành viên hiện có sau khi tiếp nhận thêm thành viên mới; trường hợp thay đổi thành viên do thừa kế: ghi Họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, quốc tịch, phần vốn góp của thành viên để lại thừa kế; Họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, quốc tịch, chữ ký và phần vốn góp của từng người nhận thừa kế; Thời điểm thừa kế)

.....

.....

7. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động theo quyết định của Tòa án (đối với trường hợp đăng ký thay đổi theo quyết định của Tòa án)

Tên Tòa án:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Bản án/quyết định số:.....

Nội dung đăng ký thay đổi, bổ sung:

.....

.....

.....